



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân,
thành phố Hà Nội
Mã số DN: 0100106440

Số: 62 /2020/LICOGI-CBTT

(V/v CBTT Báo cáo thường niên 2019)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**
Địa chỉ trụ sở chính: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0243 8542 365
Fax: 0243 8542 655
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Thanh Hải
Địa chỉ: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh
Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0905955896
Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu
 định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty LICOGI-CTCP công bố thông tin về Báo cáo thường niên 2019 của
Tổng công ty Licogi – CTCP.

So với thời gian quy định CBTT định kỳ sau BCTC kiểm toán 20 ngày, vì vậy
Tổng công ty CBTT Báo cáo thường niên 2019 đã bị chậm do ảnh hưởng của dịch
Covid-19.

(Có Báo cáo kèm theo).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào
ngày /05/2020 tại đường dẫn: <http://www.licogi.com.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGD (để biết);
- Lưu VP HĐQT.

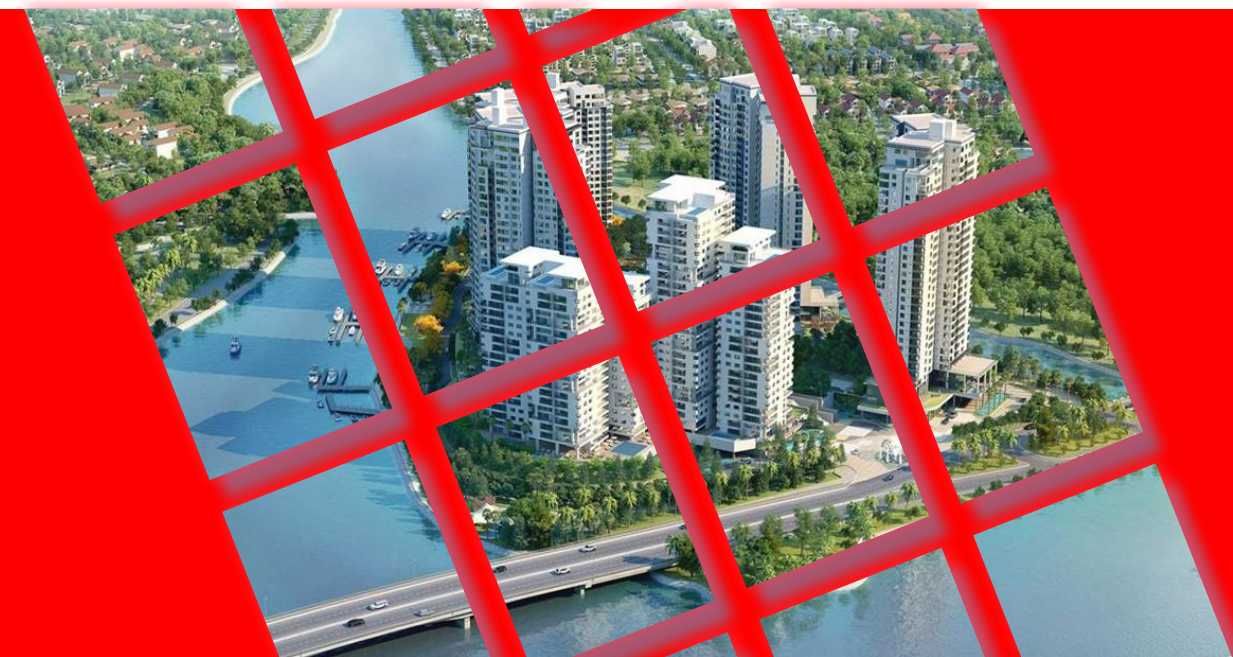
**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**



Phan Thanh Hải

2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



Địa chỉ

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Website

<http://www.licogi.com.vn>

Email

info@licogi.vn



MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	6 - 7
Tâm nhìn - Sứ mệnh	8
Sự kiện nổi bật 2019	9
Thông tin chung	10 - 11
Tình hình hoạt động trong năm 2019	30 - 31
Báo cáo của Ban giám đốc	42 - 43
Báo cáo của Hội đồng quản trị	54 - 55
Quản trị công ty	62 - 63
Báo cáo phát triển bền vững	70 - 71
Báo cáo tài chính kiểm toán 2019	74 - 75

Thông điệp của CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên,

Đối mặt với tình hình kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, Việt Nam vẫn giữ được các chỉ tiêu tăng trưởng ở mức khả quan, GDP năm 2019 tăng 7,02% so với cùng kỳ năm trước, chỉ số lạm phát được giữ ở mức trung bình năm 2,8%. Ngành Xây dựng Việt Nam là ngành có tính chu kỳ cao có những giai đoạn tăng – giảm tốc đan xen. Trải qua thời kỳ tăng trưởng dài 30 năm vừa qua nhờ hiệu quả của những cải cách trong chính sách đổi mới (1986), bắt đầu từ năm 2019 ngành Xây dựng bước vào giai đoạn tái cấu trúc và giảm tốc, dự kiến chỉ tăng trưởng 7,2% trong giai đoạn 2019 – 2020, giảm so với giai đoạn trước 2%. Thị trường nhà ở chững lại do động thái ổn định thị trường bất động sản của Chính phủ, xây dựng cơ sở hạ tầng tăng trưởng thấp bởi vốn đầu tư công hạn chế và khu pháp lý PPP chưa hoàn thiện, năm 2019 LICOGI vẫn còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế.

Nhận thức sâu sắc tình thế hiện tại và dự báo trong thời gian tới, Ban lãnh đạo Tổng công ty LICOGI - CTCP sẽ có những định hướng chiến lược thực tế, kịp thời và linh hoạt để tình hình hoạt động kinh doanh vẫn phát triển theo kế hoạch dài hạn đã đề ra. LICOGI sẽ triển khai tái cấu trúc mạnh mẽ hoạt động, theo đó căn cứ vào tình hình thị trường xây dựng những năm gần đây và nhận định thị trường trong những năm tới, Tổng công ty tiếp tục xác định chiến lược phát triển tập trung vào 03 lĩnh vực nòng cốt là thi công xây lắp, xử lý nền móng, hạ tầng, công trình ngầm – sản xuất vật liệu xây dựng - đầu tư kinh doanh bất động sản. Đây cũng chính là những lĩnh vực truyền thống có uy tín, thương hiệu trên thị trường của LICOGI với thiết bị thi công và đội ngũ cán bộ kỹ thuật, thợ vận hành nhiều kinh nghiệm. Ngoài ra, LICOGI sẽ tập trung cải thiện nâng cao công tác quản trị điều hành kết hợp với xây dựng lực lượng cán bộ công nhân viên có kỹ năng, phù hợp với chiến lược hoạt động của Tổng công ty và củng cố phát triển thương hiệu để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Năm 2020, đại dịch COVID – 19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế thế giới và trong nước nói chung, Tổng công ty LICOGI nói riêng. Nhận định tình hình thị trường năm 2020 tiếp tục có những bất lợi cho Tổng công ty cũng như ngành Xây

dựng. Với sự nỗ lực của mình, LICOGI sẽ phấn đấu vượt qua khó khăn thách thức, từng bước ổn định, phát triển để đáp lại sự tin tưởng với ủng hộ của Quý cổ đông. Hội đồng Quản trị và cán bộ công nhân viên Tổng công ty xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc tới sự ủng hộ của các Quý cổ đông, các cơ quan quản lý nhà nước, các đối tác và sự tận tâm nỗ lực của Ban điều hành, toàn thể Cán bộ Công nhân viên, người lao động thuộc Tổng công ty đã đoàn kết, đồng lòng để LICOGI có thể đạt được những kết quả trong năm 2019, tạo tiền đề phát triển trong năm 2020 và những năm tiếp theo. Hãy cùng chúng tôi đồng hành và vững bước trong tương lai, đạt được nhiều thành công mới!

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐINH VIỆT TÙNG



Tâm nhìn

Nhà thầu hạ tầng kỹ thuật và nền móng công trình có uy tín về tiến độ, chất lượng, giá cả hợp lý tại Việt Nam bằng lợi thế bề dày kinh nghiệm, thiết bị, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao.

Nhà sản xuất năng lượng, sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng hiệu quả cao.

Nhà đầu tư, phát triển và vận hành khu đô thị mang lại môi trường sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng.



Sứ mệnh

Licogi cung cấp giải pháp sáng tạo và đáng tin cậy với giá cả hợp lý bằng ứng dụng công nghệ tiên tiến và phương thức quản lý hiện đại.

Licogi nỗ lực nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng và sự phát triển bền vững của Đất nước bằng chiến lược đầu tư hiệu quả.

Licogi xây dựng một môi trường làm việc hội tụ được nguồn nhân lực chất lượng cao, mang lại cơ hội phát triển và thành đạt cùng doanh nghiệp.

Sự kiện nổi bật trong năm 2019

Giải chạy tiếp sức CKĐA 2019 tại Khu di tích Đền Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội

Chuyến thăm và làm việc của Đoàn công tác bộ MLIT Nhật Bản tại Việt Nam



Chuyến tham quan dã ngoại cho CBCNV tại khu du lịch Cát Bà - Hải Phòng

Thăm hỏi, tặng quà đoàn viên công đoàn, người lao động trong dịp Tết Nguyên đán

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin chung
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị - Công ty con, liên kết
Giới thiệu ban lãnh đạo
Vị thế
Định hướng phát triển
Rủi ro

Thông tin chung

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	Tổng Công ty LICOGI – CTCP
Tên tiếng anh	LICOGI Corporation – JSC
Tên viết tắt	LICOGI
Giấy chứng nhận ĐKKD	Số 0100106440 cấp ngày 24/11/2010 tại Thành phố Hà Nội, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018
Vốn điều lệ	900 Tỷ đồng
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	900 Tỷ đồng
Địa chỉ	Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội
Số điện thoại	+ 84 024 38542365
Số fax	+ 84 024 38542655
Website	http://www.licogi.com.vn/
Email	info@licogi.vn
Mã cổ phiếu	LIC

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1960	Bộ Kiến trúc (nay là Bộ Xây dựng) quyết định thành lập Công ty Thi công cơ giới
1979	Bộ Xây dựng có Quyết định số 1470/QĐ-BXD ngày 11/10/1979 chuyển Công ty Thi công cơ giới thành Liên hiệp các Xí nghiệp thi công cơ giới
1995	Bộ Xây dựng có Quyết định số 998/BXD - TCLĐ thành lập Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng
2006	Bộ Xây dựng có Quyết định số 1635/QĐ - BXD chuyển Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con
2010	Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 53/QĐ - TTg thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà với nòng cốt là Tổng Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng là Công ty con do Tập đoàn Sông Đà nắm giữ 100% vốn điều lệ
2013	Bộ Xây dựng có Quyết định số 914/QĐBXD chuyển giao quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng từ Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà về Bộ Xây dựng với vốn điều lệ là 370.000.000.000 đồng
2014	Thủ tướng chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty xây dựng và phát triển hạ tầng với mức vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng
2015	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106440 với vốn điều lệ 900.000.000.000 đồng
2018	Bộ Xây dựng chuyển giao quyền sở hữu vốn Nhà nước tại LICOGI sang SCIC

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

Thi công và xử lý nền móng các loại công trình, khoan nổ mìn, các công trình ngầm

Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp

Xây dựng các công trình giao thông

Xây dựng các công trình thủy lợi, cấp thoát nước, thủy điện, nhiệt điện, bưu điện

Thi công xây lắp các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây điện, trạm biến áp điện

Lắp đặt thiết bị và hoàn thiện công trình xây dựng

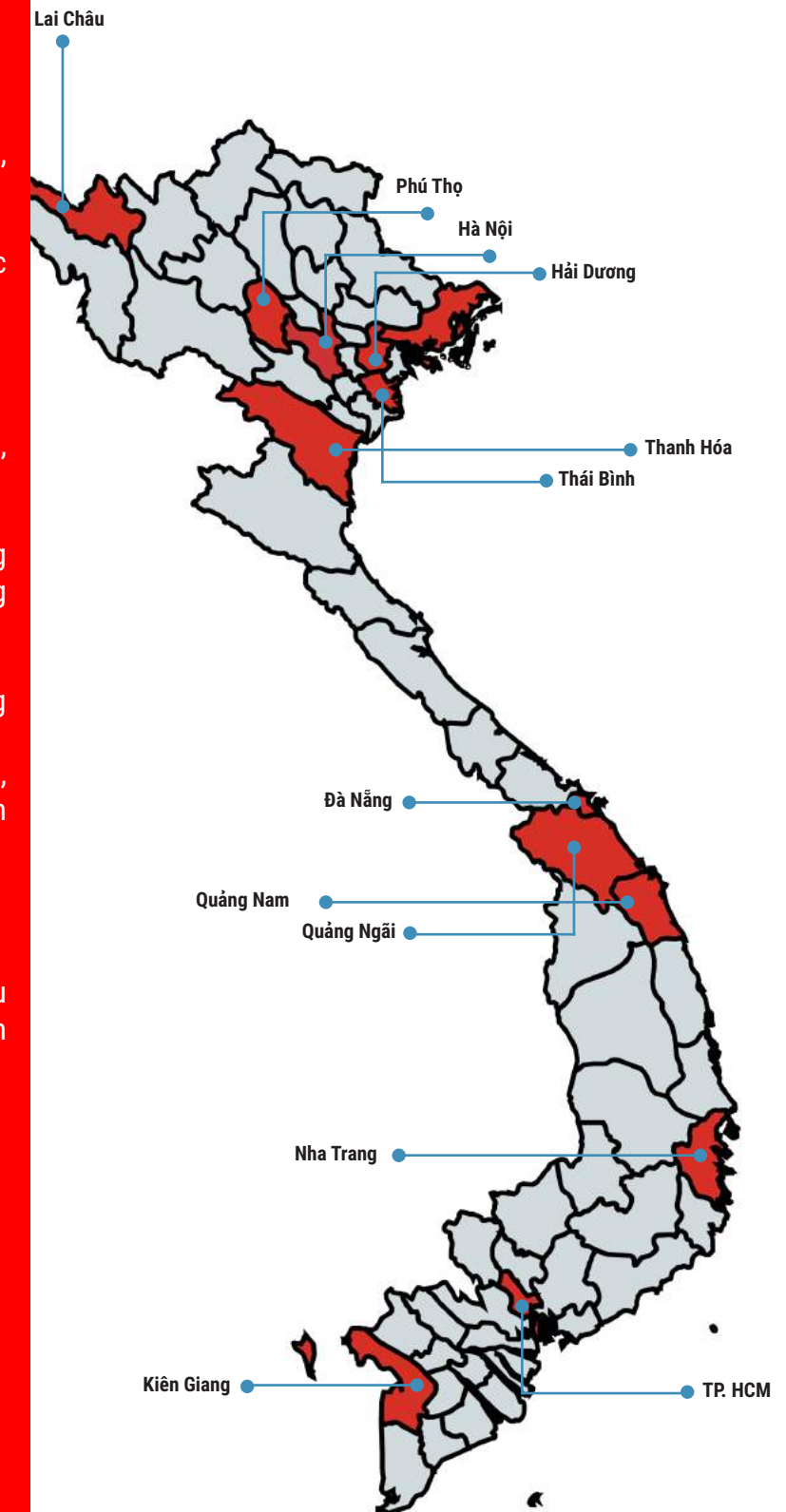
Đầu tư kinh doanh các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật

Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm

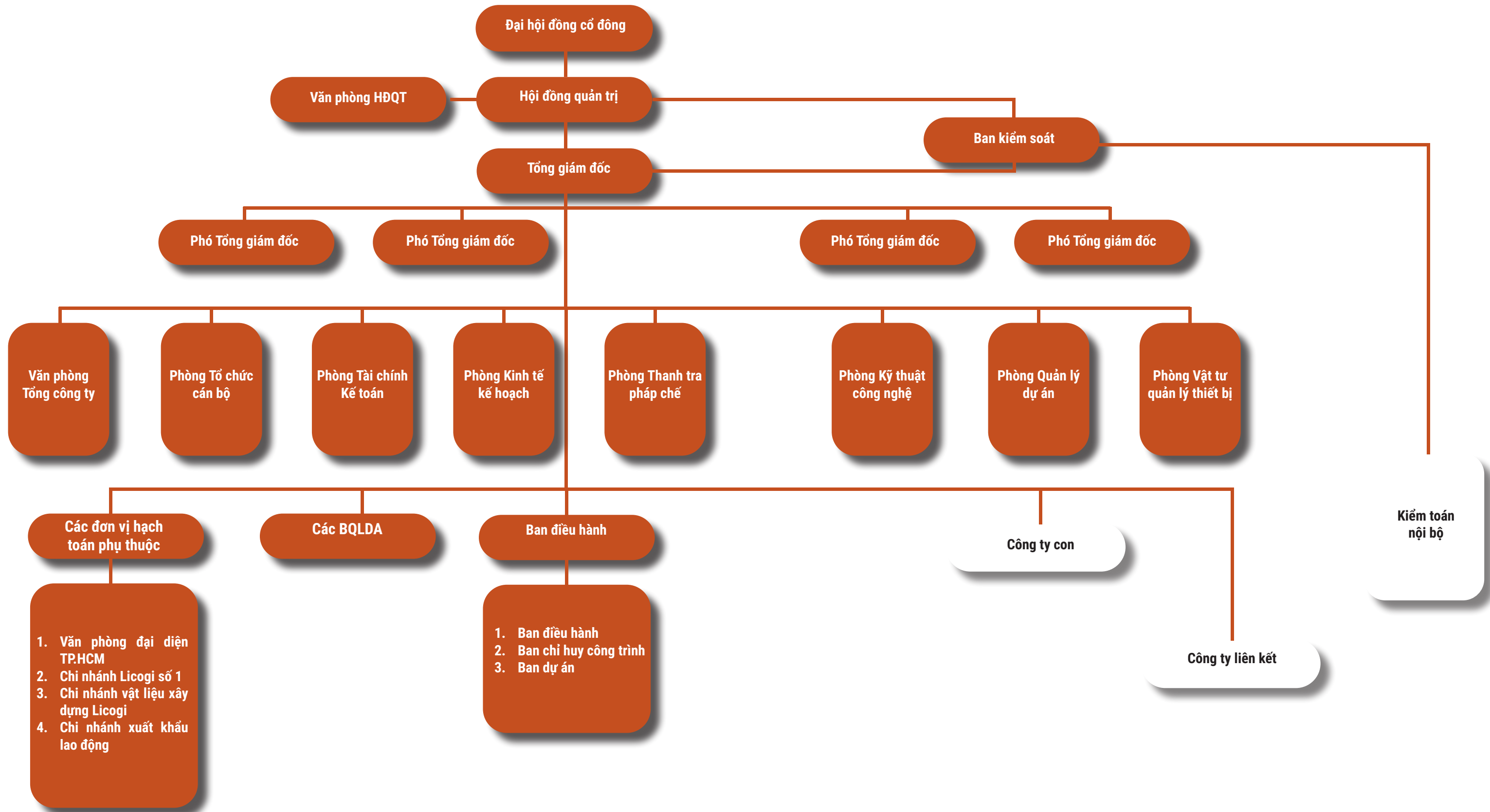
Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng

Kinh doanh các sản phẩm cơ khí

Cung ứng và quản lý nguồn lao động



Mô hình quản trị



Công ty con, Công ty liên kết

CÔNG TY CON

Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Vốn Điều lệ (VNĐ)	Vốn của TCT (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu của TCT
CTCP ĐTXL và VLXD Đông Anh	Tổ 8, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	Sản xuất vật liệu xây dựng	29.500.000.000	15.295.680.000	51,85%
CTCP Cơ khí Đông Anh – LICOGI	Tổ 8, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	Sản xuất cơ khí, luyện kim, đầu tư khu công nghiệp	310.000.000.000	276.097.000.000	89,06%
CTCP Tư vấn LICOGI	Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Tư vấn xây dựng	4.800.000.000	2.880.000.000	60%
CTCP Cơ giới và Xây lắp số 9	Số 2, đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Xây lắp	50.266.000.000	25.635.660.000	51%
CTCP LICOGI Quảng Ngãi	Số 35, Hai Bà Trưng, Thành phố Quảng Ngãi	Xây lắp, Sản xuất vật liệu xây dựng	18.935.400.000	12.264.000.000	64,77%
CTCP Cơ giới và Xây lắp số 10	382 đường Núi Thành, Hòa Cường Bắc, Hải Châu, Đà Nẵng	Xây lắp	11.700.000.000	6.752.000.000	57,71%
CTCP LICOGI 15	Số 44, đường Trần Phú, Phường Ba Đình, Thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa	Xây lắp	10.200.000.000	6.593.800.000	64,64%
CTCP LICOGI 17	Số 20, phố Nguyễn Thái Học II, Phường Sao Đỏ, Thành phố Chí Linh, Hải Dương	Xây lắp	10.000.000.000	5.633.000.000	56,33%
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI	Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Đầu tư, Kinh doanh BĐS, Xây lắp	900.000.000.000	900.000.000.000	100%
CTCP LICOGI 20	Số 61E, La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội	Xử lý nền móng, Xây lắp	24.380.000.000	22.571.500.000	92,58%
CTCP Lắp máy Điện nước - LI-COGI	Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Xây lắp, Gia công cơ khí	11.430.000.000	10.277.500.000	89,92%
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI số 2	Khu đô thị mới cột 5 - cột 8, phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh	Đầu tư, Kinh doanh BĐS, Xây lắp	90.000.000.000	60.567.849.511 (Vốn điều lệ TCT đã góp)	100%

CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Vốn Điều lệ (VNĐ)	Vốn của TCT (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu của TCT
CTCP LICOGI 12	Số 21, phố Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội	Xây lắp, Sản xuất vật liệu xây dựng	70.000.000.000	5.967.000.000	8,85%
CTCP LICOGI 13	Tòa nhà Licogi 13, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Kinh doanh BĐS, Kinh doanh điện, Xây lắp, Sản xuất vật liệu xây dựng	435.980.320.000	27.175.730.000	6,23%
CTCP LICOGI 14	Số 2068, đường Hùng Vương, phường Nông Trang, Thành phố Việt Trì, Phú Thọ	Kinh doanh BĐS, Xây lắp	184.819.300.000	47.943.880.000	25,94%
CTCP Đầu tư và Xây dựng LICOGI 18	Nhà H2A, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Xây lắp, Đầu tư, kinh doanh nhà ở và đô thị	229.880.080.000	15.187.500.000	6,61%
CTCP LICOGI 19	Đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Xây lắp	8.400.000.000	1.900.000.000	22,62%
CTCP Thủy điện Bắc Hà	Xã Cốc lý, huyện Bắc Hà, Lào Cai	Đầu tư, sản xuất và kinh doanh điện	660.000.000.000	291.130.083.000	44,11%

ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐẦU TƯ VỐN KHÁC

Công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Vốn Điều lệ (VNĐ)	Vốn của TCT (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu của TCT
CTCP Thủy điện ĐăkĐrinh	Xã Sơn Tân, huyện Sơn Tân, Quảng Ngãi	Đầu tư, sản xuất và kinh doanh điện	1.184.216.000.000	13.754.000.000	1,16%
CTCP ĐTXD Thương mại Dầu khí – IDICO	Số 67, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh	Đầu tư khu đô thị, khu công nghiệp	827.222.000.000	3.000.000.000	0,36%
CTCP ĐTXD VI-NASHIN - LICOGI	P 1502, Nhà 17 tầng, HACINCO, số 99 Nguyễn Như Con Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Xây lắp	10.000.000.000	1.000.000.000	10%
CTCP QLDA và XD (LICOGI – PMC)	Tầng 1, Chung cư ngõ 130, phố Đốc Ngừ, quận Ba Đình, Hà Nội	Xây lắp, Quản lý dự án	3.000.000.000	300.000.000	10%

Ban lãnh đạo

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đinh Việt Tùng

CHỦ TỊCH HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Cử nhân luật, Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 18.000.000 cổ phần (Đại diện SCIC)

Chức vụ tại các tổ chức khác tại TCT: Không

(Bổ nhiệm ngày 10/07/2019)

Phan Thanh Hải

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 0 cổ phần

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác tại TCT:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư, Xây lắp và VLXD Đông Anh
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP CG và Xây lắp số 9
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI
- Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy điện Bắc Hà

Ứng Tiến Đỗ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 68.279 cổ phần

Chức vụ tại các tổ chức khác tại TCT: Không

(Bổ nhiệm lại ngày 21/06/2019)

Nguyễn Danh Quân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế Xây Dựng, Thạc sỹ Kinh tế

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 19.110.355 cổ phần

Chức vụ tại các tổ chức khác tại TCT:

- Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy điện Bắc Hà
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20 (LICOGI 20)

(Bổ nhiệm ngày 21/06/2019)

Nguyễn Thanh Hợp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 17.312.888 cổ phần

Chức vụ tại các tổ chức khác tại TCT:

- Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2

Ban lãnh đạo

BAN KIỂM SOÁT

Nguyễn Thị Khánh Phương

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 200 cổ phần

Chức vụ tại các tổ chức khác tại TCT: Không

Kiều Bích Hoa

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn: : Thạc sỹ Ngân hàng - Tài chính

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 0 cổ phần

Chức vụ tại các tổ chức khác tại TCT: Không

Nguyễn Thu Trang

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 0 cổ phần

Chức vụ tại các tổ chức khác tại TCT: Không

Ban lãnh đạo

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thanh Hải

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 0 cổ phần

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác tại TCT:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư, Xây lắp và VLXD Đông Anh
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP CG và Xây lắp số 9
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI
- Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy điện Bắc Hà

Lê Khắc Duy

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi, Thạc sĩ Kỹ thuật

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 6.500 cổ phần

Chức vụ tại các tổ chức khác tại TCT:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Lắp máy điện nước LICOGI
- Ủy viên HĐQT Công ty CP Kỹ thuật nền móng và xây dựng 20

Phan Đức Hùng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 16.769 cổ phần

Chức vụ tại các tổ chức khác tại TCT:

- Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI

Phan Lan Anh

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Nga, Cử nhân Tài chính Kế toán, Thạc sĩ Kinh tế

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 19.594 cổ phần

Chức vụ tại các tổ chức khác tại TCT:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP LICOGI Quảng Ngãi
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tư vấn LICOGI
- Thành viên HĐQT Công ty CP LICOGI 14
- Thành viên HĐQT Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI

Nguyễn Anh Dũng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trình độ chuyên môn: Kế toán doanh nghiệp, Thạc sĩ kinh tế

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 5.400 cổ phần

Chức vụ tại các tổ chức khác tại TCT:

- Trưởng BKS Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9
- Trưởng BKS Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI
- Trưởng BKS Công ty CP Kỹ thuật nền móng và xây dựng 20 (LICOGI 20)
- Thành viên BKS của Công ty CP Thủy điện Bắc Hà
- Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18
- Thành viên HĐQT Công ty CP Licogi 19

Vị thế

LICOGI có thế mạnh truyền thống trong lĩnh vực thi công cơ giới, xử lý nền móng, xây dựng các công trình ngầm quy mô lớn, garage của các tòa nhà cao ốc, ... với lực lượng thiết bị hiện đại được nhập khẩu từ nhiều nước tiên tiến trên thế giới như: Mỹ, Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc,...

Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, LICOGI sở hữu đội ngũ CBCNV có nhiều kinh nghiệm, trong đó có nhiều cán bộ có trình độ đại học, trên đại học và công nhân kỹ thuật lành nghề được đào tạo chính quy trong và ngoài nước, với bề dày kinh nghiệm trong quản lý, tổ chức thi công đặc biệt là các công trình đòi hỏi ứng dụng công nghệ thi công hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế. Từ hiệu quả thi công công trình lớn, trọng điểm trên khắp mọi miền của Tổ quốc, thương hiệu LICOGI đã được các chủ đầu tư trong và ngoài nước đánh giá cao.

Các công trình tiêu biểu sử dụng sản phẩm của LICOGI:

- Nhà máy Kyocera (Hải Phòng)
- Tổng kho dự trữ quốc gia (Đông Anh)
- Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 (Hà Tĩnh)



Tên tuổi của LICOGI gắn với nhiều công trình, dự án quan trọng của quốc gia như:

- Các công trình thủy điện: Hòa Bình, Trị An, Thác Mơ, Sơn La, Bản Chát, Lai Châu, Hàm Thuận – Đa Mi, Đắk my, A Vương, Đăkđrinh.
- Các công trình nhiệt điện: Uông Bí, Phả Lại 1 và 2, Mông Dương, Apatit Lào Cai.
- Nền móng Trung tâm hội nghị Quốc gia, Nhà Quốc hội, Tổng lãnh sự quán Mỹ tại TP Hồ Chí Minh, cao ốc Petro Landmark, Xi măng Hoàng Mai.
- Hạ tầng giao thông cảng hàng không quốc tế Nội Bài, đê chắn song Dung Quất, kênh thủy lợi Phước Hòa – Bình Phước, âu tàu nhà máy công nghiệp tàu thủy Dung Quất



Định hướng phát triển

ĐỊNH HƯỚNG CHUNG

Chiến lược phát triển của LICOGI trong những năm tới được xác định dựa trên ba trụ cột chính là (i) Xây lắp, (ii) Sản xuất công nghiệp - vật liệu xây dựng và (iii) Đầu tư khu đô thị, nhà ở, khu công nghiệp, trong đó, nguồn nhân lực là khâu then chốt, quản lý bộ máy là khâu trọng yếu và phát huy văn hóa doanh nghiệp là nhiệm vụ thường xuyên. Việc kiện toàn, sắp xếp lại nhân sự, bộ máy quản lý, điều hành được thực hiện từ Công ty mẹ đến các công ty con, cụ thể:

Công ty mẹ sẽ thực hiện chức năng chủ yếu là đầu tư đồng bộ, có chiều sâu hệ thống máy móc, thiết bị thi công hiện đại, đào tạo, xây dựng phát triển nguồn nhân lực để đủ năng lực đấu thầu, ký kết các hợp đồng thi công xây lắp, quản lý và triển khai các gói thầu/dự án quy mô lớn, làm cơ sở giao lại cho các công ty con, Công ty liên kết.

Tiếp tục triển khai Đề án tái cấu trúc toàn diện Tổng Công ty, nâng cao hiệu quả hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý, điều hành, kiểm tra giám sát, quản trị rủi ro thông qua việc hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chế quản trị nội bộ, phân tách rõ nhiệm vụ các đơn vị tại trụ sở chính của Công ty mẹ phù hợp thông lệ quốc tế theo ba khối chức năng: trực tiếp kinh doanh - hỗ trợ kinh doanh - trực tiếp thi công xây lắp, vận hành.

Củng cố và tăng cường mối liên kết chặt chẽ, hiện diện giữa Công ty mẹ và các công ty Con trên các mặt: nhân sự, quản lý, điều hành, quan hệ kinh tế và phân chia lợi ích. Thực hiện cử nhân sự có trình độ, kinh nghiệm làm đại diện phần vốn góp của LICOGI tại các công ty con, công ty liên kết. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy chế quản lý vốn đầu tư của Tổng Công ty vào doanh nghiệp khác, trong đó, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn góp, nhằm đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của việc giám sát các khoản đầu tư ra bên ngoài.

ĐỊNH HƯỚNG CHI TIẾT



Chiến lược quản lý và điều hành sản xuất

Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho các cấp quản lý, trình độ tay nghề cho công nhân kỹ thuật để chủ động chuyển đổi, thích ứng với thị trường, đi đôi với việc đổi mới trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm.

Tập trung đấu thầu các công trình, dự án có nguồn thanh toán chắc chắn, rõ ràng; không ký các hợp đồng thi công công trình, dự án có giá thấp, khả năng thanh toán kém. Ưu tiên chú trọng đấu thầu các công trình, dự án xử lý nền móng, hạ tầng thuộc phân khúc thể mạnh, lợi thế cạnh tranh cốt lõi của LICOGI so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, đặc biệt trong việc huy động, giám sát và sử dụng vốn, cũng như đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ. Thực hiện tái cấu trúc toàn diện danh mục, cơ cấu nợ vay theo nguyên tắc giảm sự lệ thuộc vào các nguồn vốn giá cao, giảm mất cân đối giữa vay nợ và đầu tư từ nguồn vốn ngắn hạn.

Tăng cường công tác quản lý giá thành, định mức kinh tế kỹ thuật. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý ở tất cả các khâu, từ đấu thầu, quản lý hợp đồng, thi công, nghiệm thu, thanh - quyết toán. Hoàn thiện công tác giao khoán thầu thi công xây lắp đến từng đội sản xuất, chủ công trình, chi nhánh theo hướng quản lý tập trung, đảm bảo phân bổ và tính đủ chi phí của từng công trình nhằm khai thác, sử dụng và tiết kiệm có hiệu quả các nguồn lực để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

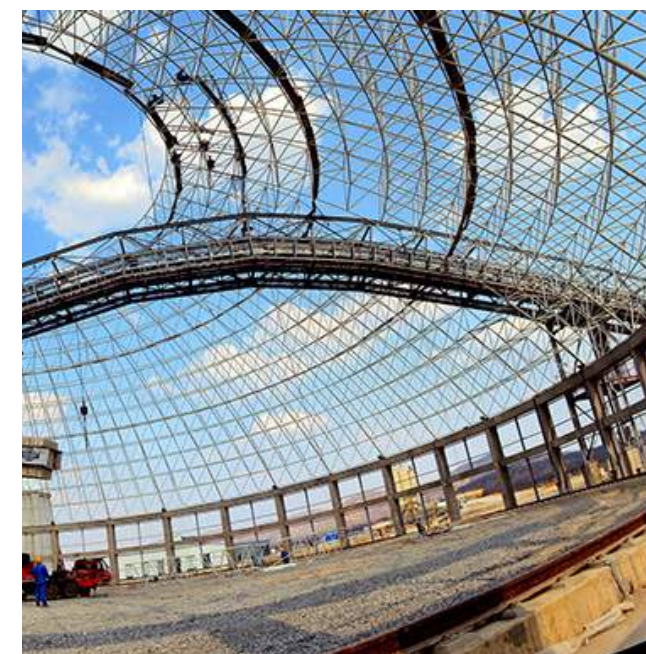
Coi trọng công tác quản lý chất lượng, đảm bảo an toàn lao động. Khuyến khích đổi mới, sáng tạo, cải tiến kỹ thuật nhằm làm giảm chi phí, nâng cao hiệu quả, hiệu suất hoạt động.

Định hướng phát triển công nghệ

Tiếp tục tăng cường, làm giàu kinh nghiệm và công nghệ thi công cọc khoan nhồi, tường vây thông qua việc ứng dụng công nghệ hiện đại và không ngừng cải tiến, đổi mới, trong đó, chú trọng ứng dụng máy khoan cọc nhồi theo công nghệ tuần hoàn cho các cọc khoan nhồi có đường kính và độ sâu lớn, thành hố khoan đòi hỏi khắt khe về độ thẳng đứng.

Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thi công công trình ngầm, tiến tới làm chủ công nghệ xây dựng các công trình ngầm quy mô lớn như: tàu điện ngầm, đường giao thông ngầm... Tăng cường áp dụng công nghệ thiết kế, thi công sàn bóng, móng Top-base.

Nghiên cứu phát sản xuất tấm lợp theo công nghệ mới không sử dụng Amiăng; nâng cao chất lượng các sản phẩm đúc kim loại, nhôm thanh định hình, giàn không gian cho phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường và hiệu quả kinh doanh.



Chiến lược đầu tư và xây dựng

Đẩy mạnh triển khai các dự án: Khu đô thị mới Thịnh Liệt, Trụ sở Tổng Công ty tại lô E7 Phạm Hùng; G1 Thanh Xuân Nam. Nghiên cứu đầu tư nâng cao năng lực máy móc, thiết bị phục vụ thi công các công trình ngầm.



Chiến lược sản xuất xây lắp

Tập trung phát huy ngành nghề mũi nhọn về hạ tầng kỹ thuật và xử lý nền móng đòi hỏi kỹ thuật cao. Ngoài việc tiếp tục tham gia thi công hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp, khu đô thị, xử lý nền móng các công trình ngầm, công trình cao tầng, nhà máy điện, xi măng..., ưu tiên bố trí nguồn lực đi sâu nghiên cứu và tham gia thi công các công trình giao thông ngầm trong nội thị, đặc biệt là các đường hầm giao thông, tuyến đường sắt đô thị, metro.

Nghiên cứu và tăng cường các hoạt động liên doanh, liên kết với cổ đông chiến lược và các doanh nghiệp FDI là tổng thầu lớn như: HYUNDAI, OBAYASHI, HAZAMA, SHIMIZU, SUMITOMO... Chiến lược sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng.

Chiến lược sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng

Tiếp tục củng cố, đổi mới và phát triển các mặt hàng truyền thống, thể mạnh như: sản xuất vật liệu xây dựng (tấm lợp các loại, nhôm thanh định hình...), sản xuất sản phẩm cơ khí (bi đạn cho ngành xi măng, đúc thép, dàn khung không gian, gia công lắp dựng kết cấu phi tiêu chuẩn...) với mục tiêu nâng cao chất lượng và duy trì vị thế, thị phần đã xác lập.

Nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo hướng thân thiện với môi trường, trong đó, chú trọng phát triển các sản phẩm tấm phẳng (tấm lợp không sử dụng amiăng thay thế), gạch không nung, bê tông đúc sẵn.

Rủ ro

RỦ RO KINH TẾ

Hoạt động chính trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng, những biến động của nền kinh tế và sự thay đổi của các chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước có tác động không nhỏ tới hoạt động của Tổng công ty. Kinh tế càng phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định kéo theo nhu cầu xây dựng hạ tầng, nhà ở và trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, qua đó đẩy mạnh nhu cầu về sản phẩm xây dựng, đem lại cơ hội phát triển và thị phần tiêu thụ cho Tổng công ty. Ngược lại, khi nền kinh tế gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng giảm sút cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến các kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng, sẽ tác động ngược lại đến sự phát triển của ngành Xây dựng nói chung trong đó có Tổng công ty.



RỦ RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Công tác nghiệm thu, quyết toán công trình: Đặc thù của ngành Xây dựng nói chung và của Tổng công ty nói riêng về thi công các công trình với thời gian dài; việc nghiệm thu, quyết toán của chủ đầu tư thường chậm trễ, đặc biệt có công trình phải chờ kết quả của kiểm toán nên công tác quyết toán thường chậm (khoảng 2-3 tháng, thậm chí hàng năm). Trong quá trình thi công, nhiều chủ đầu tư chưa hoàn thiện đủ các thủ tục pháp lý, giải ngân chậm trễ, ảnh hưởng không ít đến tiến độ thanh quyết toán, dẫn tới không phản ánh đúng hiệu quả kinh doanh cũng như kết quả doanh thu, lợi nhuận của Tổng công ty giữa các quý và các năm tài chính.



RỦ RO TÀI CHÍNH

Rủ ro tín dụng: Để thực hiện kinh doanh, doanh nghiệp có thể huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó một lượng vốn lớn được tài trợ từ vốn vay ngân hàng. Đồng thời, thị trường bất động sản có đặc thù chu kỳ phát triển dự án kéo dài 2-3 năm thậm chí 3-5 năm. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Trong năm 2019, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay giữ ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho Tổng Công ty khi tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng với chi phí hợp lý.

Rủ ro tỷ giá: Trong năm 2019, tỷ giá trung tâm được giữ ổn định và dự báo sẽ duy trì sang năm 2020. Điều này sẽ tạo thuận lợi cho Tổng Công ty trong hoạt động giao thương với các đối tác nước ngoài.

RỦ RO PHÁP LUẬT

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về thị trường chứng khoán. Những năm gần đây hệ thống pháp luật đã được quan tâm bổ sung, sửa đổi song vẫn còn nhiều bất cập. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải thường xuyên cập nhật, nắm bắt các thay đổi để thực hiện cho chính xác. Tuy nhiên, thủ tục hành chính vẫn còn gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp khi có quá nhiều thủ tục, nhiều khâu.



RỦ RO MÔI TRƯỜNG

Các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty luôn tác động trực tiếp đến môi trường. Các dự án đang xây dựng có thể phát sinh ô nhiễm không khí, nguồn nước, ô nhiễm tiếng ồn cho môi trường xung quanh. Ngoài ra các dự án phức hợp quy mô lớn khi đã đi vào sử dụng có thể làm thay đổi môi trường sinh thái của các vùng lân cận. Điều này đòi hỏi mỗi một dự án đầu tư của Tổng công ty cần phải phân tích đánh giá kỹ lưỡng các tác động đến môi trường. Áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến, nguyên vật liệu ít gây ô nhiễm trong quá trình xây dựng.



RỦ RO HOẠT ĐỘNG

Về thị trường, đối thủ cạnh tranh: Thị trường xây dựng phụ thuộc nhiều vào kế hoạch đầu tư, khối lượng và tiến độ thi công các công trình, trong khi đó số lượng doanh nghiệp tham gia hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực này ngày càng nhiều dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Cạnh tranh không thể tránh khỏi áp lực phải hạ giá thầu, doanh số và lợi nhuận, mặt khác đòi hỏi các doanh nghiệp xây dựng phải có giải pháp hợp lý để tiếp cận thị trường, duy trì và gia tăng thị phần tiêu thụ nhưng đồng thời vẫn phải đảm bảo được chất lượng và tiến độ bàn giao thành phẩm.

Về lao động: Với đặc thù ngành thường xuyên di chuyển theo các dự án, công trình tại các tỉnh thành nên ngoài các nhân sự ổn định có kỹ thuật sẽ phải tuyển dụng một lượng lao động tạm thời tại địa phương, khó quản lý hơn. Tổng Công ty cũng thuộc ngành đòi hỏi nguồn lao động lớn, nếu không đáp ứng đủ, kịp thời, nhất là trong mùa cao điểm sẽ gây xáo trộn hoạt động của Doanh nghiệp.

Về an toàn lao động: Trong các hoạt động thi công xây lắp, LICOGI luôn coi an toàn lao động là vấn đề quan trọng hàng đầu. Tuy nhiên, với đặc thù của ngành xây lắp làm việc trên cao, tại khu vực địa hình hiểm trở,... và đặc thù vận chuyển khối lượng nguyên vật liệu lớn, nguy cơ xảy ra mất an toàn rất có thể xảy ra.

RỦ RO KHÁC

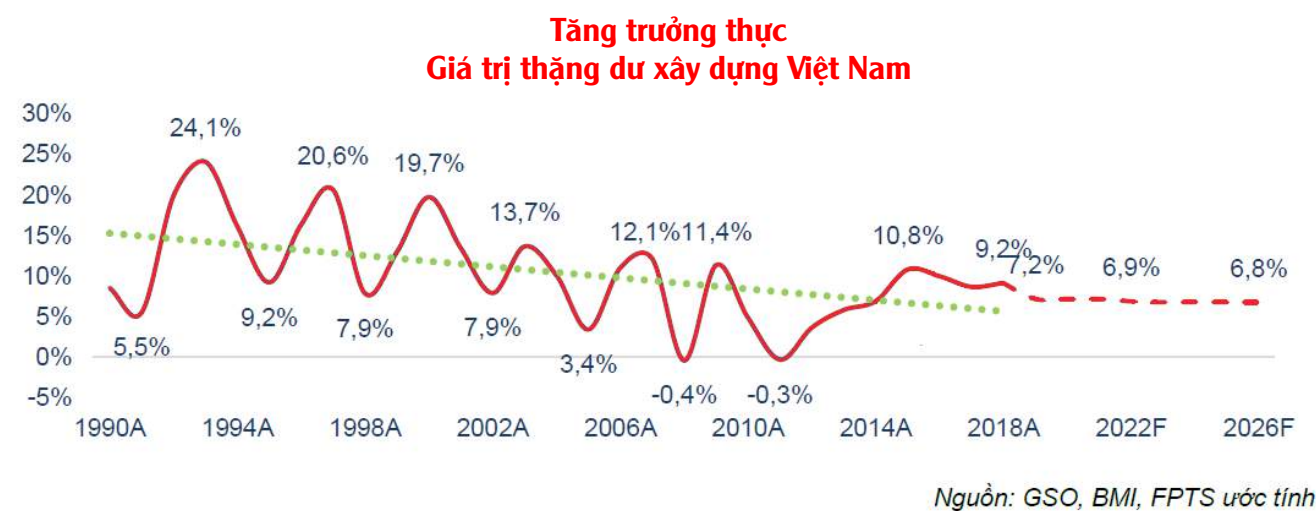
HĐKD của Tổng công ty bị ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như: Rủi ro thiên tai (hạn hán, bão lũ), biến động giá cả, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch,... làm giảm lợi nhuận của Tổng Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến HĐKD của Tổng Công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức nhân sự
Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
Tình hình tài chính
Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Tình hình hoạt động sản xuất

THÔNG TIN NGÀNH



Xu hướng giảm dần của tốc độ tăng trưởng được quan sát trên thị trường chỉ ra ngành xây dựng Việt Nam đang ở cuối giai đoạn “Tăng trưởng và sẽ dần tiến tới giai đoạn Tái cấu trúc”.

Áp lực cạnh tranh giữa các nhà thầu Việt dự kiến sẽ gia tăng do tốc độ tăng trưởng chậm dần khi bước vào giai đoạn tái cấu trúc, cộng thêm sự gia nhập của các nhà thầu nước ngoài trong xu hướng toàn cầu hóa của ngành xây dựng thế giới. Quy mô thị trường lớn, tăng trưởng cao nhưng các doanh nghiệp có năng suất lao động thấp sẽ khiến thị trường xây dựng Việt Nam là điểm đến hấp dẫn với các nhà thầu quốc tế. Đây là thách thức nhưng cũng là cơ hội cho các nhà thầu có khả năng hợp tác, tiếp thu công nghệ tiên tiến của các nhà thầu nước ngoài.

KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

Trong giai đoạn 2017 - 2019, giá vốn hàng bán có tốc độ giảm xấp xỉ tốc độ giảm của doanh thu, CAGR của giá vốn gần 5,83% so với mức tăng 5,95% của doanh thu thuần, vấn đề này đảm bảo cho chi phí sản xuất của LICOGI có ít nhiều lợi thế. Về các chỉ tiêu lợi nhuận trước và sau thuế đều âm trong năm, nhưng khi xét riêng hoạt động kinh doanh cốt lõi và bỏ đi các yếu tố về chi phí lãi vay và khấu hao lớn là đặc thù của ngành Xây dựng, Licogi vẫn đang chứng tỏ khả năng sản xuất kinh doanh và sinh lời, kết thúc năm 2019 với EBIT đạt 59.397 triệu đồng, EBITDA đạt 93.880 triệu đồng.

Năm 2019, tính riêng Công ty mẹ, LNST đạt 2,7 tỷ đồng nhưng một số công ty liên kết bị lỗ nên kết quả lợi nhuận hợp nhất âm trong năm. Đặc biệt CTCP Thủy điện Bắc Hà do năm 2019 điều kiện thủy văn không thuận lợi, thiếu nước nên sản lượng điện không đạt chỉ tiêu khiến CTCP Thủy điện Bắc Hà lỗ 41,83 tỷ đồng, Tổng công ty phải trích lập dự phòng rủi ro là 18,34 tỷ đồng, ảnh hưởng đến lợi nhuận hợp nhất.

	2017	2018	2019	CAGR
Doanh thu thuần	2.606.452	2.602.117	2.305.321	-5,95%
Giá vốn	2.361.509	2.321.058	2.093.984	-5,83%
EBIT	98.339	176.110	59.397	-22,28%
EBITDA	161.284	228.483	93.880	-23,71%
Lợi nhuận trước thuế	-43.648	66.724	-58.209	-
Lợi nhuận sau thuế	-56.628	51.277	-64.012	-
Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ	-103.289	3.219	2.718	-
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	-104.006	3.219	2.718	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán, đơn vị: triệu đồng

Tổ chức nhân sự

THAY ĐỔI TRONG BAN LÃNH ĐẠO

- Ngày 17/12/2018, Ông Ứng Tiến Đỗ, Người đại diện vốn Nhà nước miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị do nghỉ hưu để hưởng chế độ BHXH.
- Ngày 25/12/2018, Ông Dương Xuân Quang, Người đại diện vốn Nhà nước miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị do nghỉ hưu để hưởng chế độ BHXH.
- Ngày 21/06/2019, ĐHĐCĐ thường niên 2019 miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Hoàng Quốc Quân và miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đối với Bà Lê Thanh Huyền
- Ngày 21/06/2019, ĐHĐCĐ thường niên 2019 bầu bổ sung 03 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 – 2020 gồm các Ông: Đinh Việt Tùng, Nguyễn Danh Quân, Ứng Tiến Đỗ.
- Ngày 10/7/2019, HĐQT bầu Ông Đinh Việt Tùng giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị (Nghị quyết số 143/2019/NQ – HĐQT, ngày 10/7/2019)

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xác định nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong quá trình phát triển Công ty. Bên cạnh việc thu hút nhân tài, Công ty luôn duy trì hướng đến một môi trường lao động tốt, tạo điều kiện tối đa để mỗi cá nhân phát huy kinh nghiệm, năng lực của mình.

Về thời gian làm việc: công ty tổ chức làm việc 8 tiếng/ngày, 5 ngày/tuần. Người lao động được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi Việc phân phối tiền lương, tiền thưởng từ quỹ lương được gắn liền với hiệu quả làm việc của người lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước. Tổng Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc cho người lao động. Người lao động làm việc theo chức danh công việc gì thì hưởng lương theo chức danh công việc đó. Khi thay đổi công việc, thay đổi chức vụ thì hưởng lương theo công

việc mới, chức vụ mới.

- Quy định về xét tăng lương hàng năm cho người lao động đảm bảo tính minh bạch công khai.
- Tổng Công ty đã thực hiện khen thưởng hàng kỳ, đột xuất cho cá nhân, tập thể tiên tiến và xuất sắc. Tiêu chuẩn để xét thi đua và khen thưởng căn cứ vào việc chấp hành nội quy quy chế của Tổng Công ty, thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực lãng phí.
- Thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo luật định và thỏa ước lao động tập thể.
- Tổng Công ty luôn tuân thủ các quy định của Luật lao động, thực hiện nghiêm túc các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động
- Luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện làm việc của người lao động, có chế độ bồi dưỡng đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc, có chế độ tham quan nghỉ mát hàng năm, quan tâm tới người lao động trong các ngày lễ tết.

CƠ CẤU LAO ĐỘNG

Tiêu chí	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động						
Trình độ Đại học và trên Đại học	161	62%	150	63%	136	64%
Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	12	5%	13	5%	9	4%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	59	23%	55	23%	48	23%
Lao động phổ thông	26	10%	20	8%	19	9%
Theo thời hạn HĐLĐ						
Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	31	12%	27	11%	22	10%
Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	100	39%	80	34%	59	28%
Hợp đồng không xác định thời hạn	127	49%	131	55%	131	62%
Theo cấp quản lý						
Quản lý	67	26%	61	26%	58	27%
Chuyên viên, nhân viên	191	74%	177	74%	154	73%
Theo độ tuổi						
Từ 18 đến 25 tuổi	3	1%	3	1%	5	2%
Từ 26 đến 35 tuổi	83	32%	68	29%	59	28%
Từ 36 đến 45 tuổi	93	36%	98	41%	89	42%
Trên 45 tuổi	79	31%	69	29%	59	28%
Tổng	258	100%	238	100%	212	100%

Nguồn: Tổng Công ty LICOGI - CTCP

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ MỚI THỊNH LIỆT

Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Nhà ở và đô thị LICOGI.

Cơ cấu vốn

- Tổng vốn đầu tư: 5.936,450 tỷ đồng trong đó vốn góp của Công ty: 900 tỷ đồng tương ứng 15,16% tổng vốn đầu tư
- Vốn vay, vốn huy động hợp pháp khác: 5.036,45 tỷ đồng chiếm 84,84% tổng vốn đầu tư

Tiến độ thực hiện dự án:

- Phần GPMB (giai đoạn 1): Lập phương án di dời đường dây hạ thế 0,4kV và Trạm biến áp Giáp Tử 1 nằm trong Dự án, xây dựng mới trạm biến áp phục vụ công tác GPMB (giai đoạn 1) theo ý kiến thẩm định của Phòng Quản lý đô thị để trình UBND quận Hoàng Mai xem xét, phê duyệt phương án bồi thường công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định hiện hành; Tiếp tục hoàn thiện phương án BT, HT&TĐC đối với các hộ còn lại trong giai đoạn 1 để báo cáo Hội đồng BT, HT&TĐC quận Hoàng Mai thực hiện các quy trình GPMB tiếp theo theo quy định.
- Phần Hạ tầng kỹ thuật : Hiện đang trình Tổng Công ty xem xét thẩm định TKBVTC + TDT, dự toán chi tiết các hạng mục để thực hiện các bước tiếp theo như: xin phép xây dựng và tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công hạ.



DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG - KINH DOANH HẠ TẦNG KHU ĐÔ THỊ MỚI NAM GA HẠ LONG

Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV LICOGI số 2

Dự án chia thành 2 khu vực, trong đó:

- Khu phía Bắc Quốc lộ 18A: Đã thi công xong và bàn giao đưa vào sử dụng các hạng mục HTKT, riêng hạng mục cấp điện đang làm thủ tục để bàn giao tài sản cho Điện lực Quảng Ninh.
- Khu phía Nam Quốc lộ 18A: Đã giải phóng mặt bằng và triển khai thi công các hạng mục san nền, thoát nước mưa, nước thải và nền đường giao thông.

Tình hình tài chính

Trong năm 2019, khả năng thanh toán của Tổng công ty có sự cải thiện. Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn và hệ số khả năng thanh toán nhanh tăng nhưng với giao động nhỏ hơn, duy trì ở biên độ thường có. Khả năng chi trả lãi vay được giữ ở mức tốt, tuy có sự giảm nhẹ từ 1,61 xuống 1,49 nhưng phần lớn đến từ nhiều lý do khách quan bên ngoài Tổng công ty.



Do việc duy trì sử dụng nợ vay quá lớn, gấp khoảng 10 lần vốn chủ sở hữu (so với trung bình ngành 4 lần) đã đè nặng lên khả năng chi trả lãi vay của Tổng công ty, và ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh.

Chỉ số đòn bẩy tài chính của LICOGI tăng dần trong giai đoạn 2017 - 2019 từ 9,74 lên 11,13 tác động đáng kể đến kết quả kinh doanh của Tổng công ty. Theo đó, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) của LICOGI chỉ ở mức -14,60% trong năm 2019.

MỘT SỐ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ số	2017	2018	2019
Chỉ số về khả năng sinh lời			
Tỷ suất Lợi nhuận gộp	0,09	0,11	0,09
Tỷ suất EBIT	0,69	1,61	0,51
Chỉ số về khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	0,67	0,58	0,58
Khả năng thanh toán nhanh	0,44	0,38	0,40
Khả năng thanh toán tức thời	0,04	0,03	0,03
Khả năng chi trả lãi vay	0,69	1,61	1,49
Chỉ số về đòn bẩy			
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,897	0,891	0,910
Nợ phải trả/V.CSH	8,74	8,14	10,13
Nợ dài hạn/V.CSH	1,43	0,90	1,49
Hệ số đòn bẩy tài chính	9,74	9,14	11,13

Nguồn: Công ty tự tính toán, đơn vị: lần

Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

CỔ PHẦN

Tính đến ngày 31/12/2019, Tổng Công ty LICOGI đã phát hành 90.000.000 cổ phiếu. Trong đó:

Số lượng cổ phần: 90.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

Số lượng cổ phiếu ưu đãi cho người lao động khi CPH DNNN: 171.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 58.265.900 cổ phiếu

Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 31.734.100 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên doanh nghiệp	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Cổ đông Nhà nước	Cổ đông lớn
1	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Công ty TNHH	36.640.691	40,71%	x	
2	Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Khu Đông	31.500.000	35%		x
3	Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	17.312.888	19,24%		x

Nguồn: Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn công bố ngày 20/01/2020



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ KINH DOANH

	2017	2018	2019	% 2018/2019
Tổng tài sản	4.395.674	4.427.761	4.368.392	-1,34%
Doanh thu thuần	2.606.452	2.602.117	2.305.320	-11,41%
Giá vốn	2.361.509	2.321.058	2.093.984	-9,78%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-25.905	89.885	-38.683	-143,04%
EBIT	98.339	176.110	59.397	-66,27%
Lợi nhuận trước thuế	-43.648	66.724	-58.209	-187,24%
Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ	-103.289	3.219	2.718	-15,56%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán, đơn vị: triệu đồng

Tổng Công ty là đơn vị có truyền thống trong lĩnh vực thi công xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, đặc biệt là các công trình xử lý nền móng và hạ tầng kỹ thuật; có đội ngũ cán bộ kỹ thuật dày kinh nghiệm và công nhân lành nghề; sở hữu công nghệ thi công hiện đại, tiên tiến đảm bảo thi công được các dự án lớn, có yêu cầu kỹ thuật phức tạp. Tuy nhiên, công việc còn ít do các công trình thủy điện, nhiệt điện lớn mà Tổng Công ty giữ vai trò tổng thầu hoặc tham gia trong tổ hợp nhà thầu đã hoàn thành, hiện đang trong giai đoạn quyết toán; các dự án đầu tư của Tổng Công ty chưa được triển khai thi công.

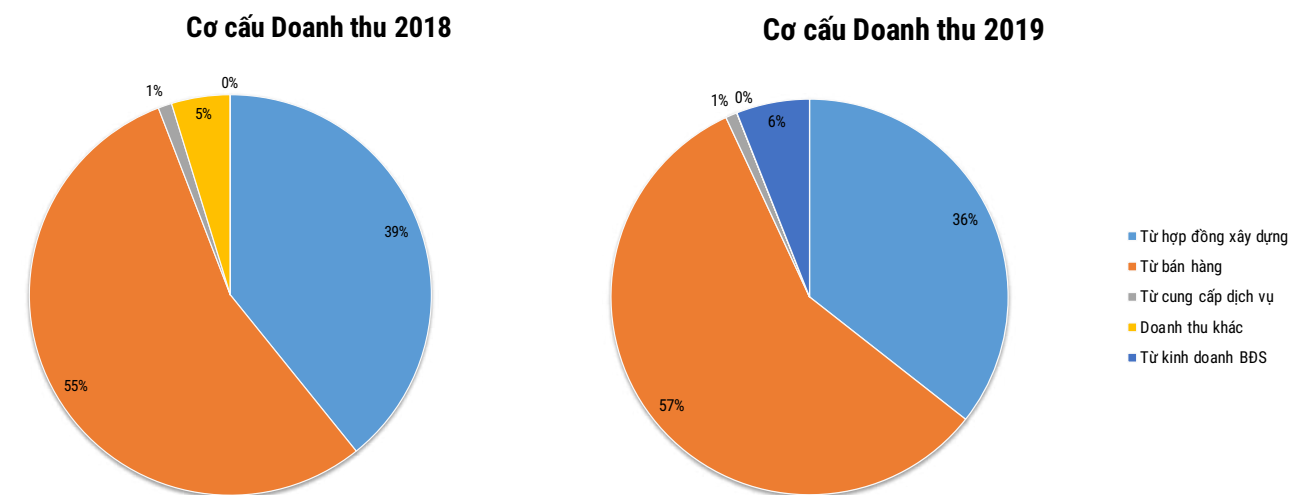
Hơn nữa, tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt ở hầu hết các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty; sản xuất kinh doanh năm 2016, 2017 của Công ty mẹ bị thua lỗ đã gây khó khăn cho việc đấu thầu tìm kiếm việc làm, ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. Mặt khác, sự biến động của giá cả thị trường gây ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất chung.

CƠ CẤU DOANH THU

Cơ cấu doanh thu của Tổng công ty không biến đổi quá nhiều, tuy nhiên trong năm với chiến lược kinh doanh đề ra, LICOGI đã thành công trong việc chuyển dịch dần tỷ lệ doanh thu từ hợp đồng xây dựng sang doanh thu bán hàng và kinh doanh BĐS.

Tỷ trọng doanh thu từ hợp đồng xây dựng có dấu hiệu thu hẹp, một phần nguyên nhân là do hiệu quả hoạt động kinh doanh của một số công ty con, liên kết giảm so với năm 2018. Doanh thu từ cung cấp dịch vụ vẫn duy trì được vị thế của mình, nắm 1% trên tổng doanh thu.

Chỉ tiêu bán hàng chiếm đến gần 57% trên doanh thu thuần, tăng tỷ trọng lên 3%, giữ vị trí trọng tâm doanh thu của Tổng công ty. Cũng với biến động tích cực trên, doanh thu từ kinh doanh BĐS bắt đầu xuất hiện khi các dự án đầu tư được đi vào nghiệm thu, bất ngờ chiếm 6% trong cơ cấu doanh thu.



Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2019

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ, lợi nhuận hoàn thành vượt kế hoạch, không bị lỗ như dự kiến (LNTT 2019 là 2,71 tỷ đồng/LN kế hoạch là -26,981 tỷ đồng).

	TH 2019	KH 2019	%TH/KH
Doanh thu thuần	2.305.321	2.853.566	80,8%
Giá vốn	2.093.984	2.140.175	97,8%
EBIT	59.397	63.079	94,2%
Lợi nhuận trước thuế	-58.209	79.971	-72,8%
Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ	2.718	-26.981	110,07%

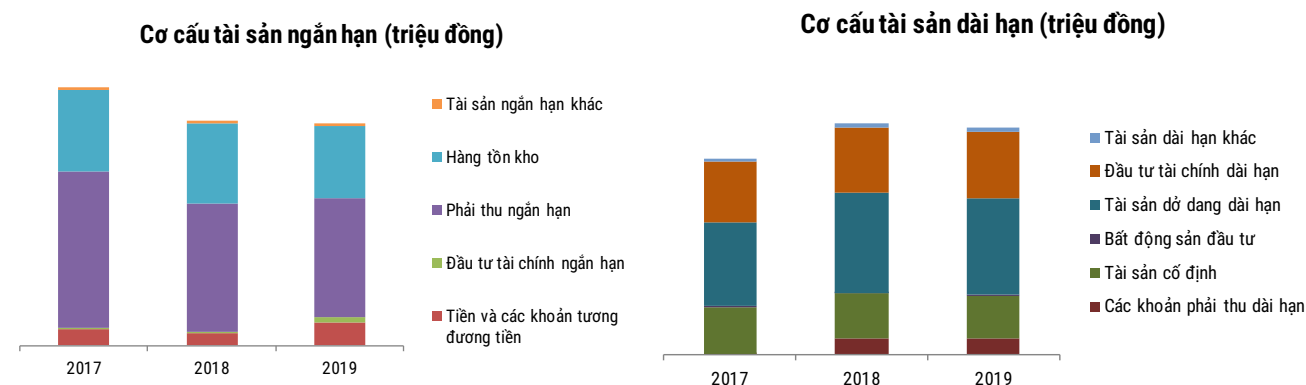
Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2019, đơn vị: triệu đồng

Tuy nhiên, chịu tác động chung của đà giảm tốc toàn ngành Xây dựng, toàn Tổng công ty LICOGI kết thúc năm tài chính 2019 với sự thu hẹp về quy mô tài sản, doanh thu và lợi nhuận. Tổng tài sản hợp nhất ghi nhận cuối năm 2019 đạt 4.368.392 triệu đồng, giảm 1,35% so với cùng kỳ năm ngoái. Cùng xu hướng biến động theo chiều hướng giảm tổng tài sản là các chỉ tiêu về doanh thu, giá vốn và lợi nhuận. Doanh thu thuần và giá vốn giảm với tốc độ gần tương đương, giúp LICOGI duy trì được tỷ suất sinh lời của lợi nhuận gộp không biến động trong tình hình kinh tế diễn biến bất lợi. Doanh thu thuần giảm 11,34%, tương ứng giảm từ 2.600.189 triệu đồng xuống còn 2.305.321 triệu đồng. Tương tự, giá vốn giảm xuống còn 2.093.984 triệu đồng, giảm 9,94% so với năm 2018. Lợi nhuận hợp nhất toàn Tổng công ty lỗ 58.209 triệu đồng. Bỏ qua đặc tính về thuế và lãi vay cao trong ngành, EBIT của LICOGI vẫn duy trì được giá trị dương (58.397 triệu đồng).



Tình hình tài chính

TÌNH HÌNH TÀI SẢN



Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán

Tổng tài sản năm 2019 đạt 4.368.392 triệu đồng, giảm nhẹ (1,34%) so với cuối năm 2018. Cùng chiều với xu hướng giảm của tổng tài sản, tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn của Tổng công ty giảm lần lượt 1,08% và 1,57% trong tình hình kinh tế biến động bất lợi cho toàn Ngành.

Giá trị của tài sản ngắn hạn của Tổng công ty được cấu thành chủ yếu từ khoản phải thu và hàng tồn kho, có thể nói, đây là hai nguồn chính duy trì thanh khoản cho các khoản vay ngắn hạn của Licogi. Mức giảm mạnh của 2 chỉ tiêu trên trực tiếp kéo cho tài sản ngắn hạn của LICOGI giảm, với hàng tồn kho giảm 9,07% xuống còn 651.788 triệu đồng và phải thu ngắn hạn giảm 7,39% xuống còn 1.082.146 triệu đồng. Ngược lại, trong năm, LICOGI chủ động sử dụng dòng tiền dồi dào vào đầu tư tài chính ngắn hạn đã khiến cho chỉ tiêu này tăng đột biến (151,35%).

Tài sản dài hạn không cho thấy sự thay đổi nào; khoản mục tài sản dở dang dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao, là một trong 3 khoản mục giảm khá mạnh cùng với tài sản cố định và tài sản dài hạn khác.

	2017	2018	2019	% 2018/2019
Tài sản ngắn hạn	2.200.781	2.043.770	2.021.795	-1,08%
Tiền và các khoản tương đương tiền	147.359	108.778	210.867	93,85%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.330	20.818	52.327	151,35%
Phải thu ngắn hạn	1.248.748	1.168.559	1.082.146	-7,39%
Hàng tồn kho	755.070	716.782	651.788	-9,07%
Tài sản ngắn hạn khác	29.274	28.833	24.667	-14,45%
Tài sản dài hạn	2.194.893	2.383.991	2.346.597	-1,57%
Các khoản phải thu dài hạn	166.332	166.109	166.126	0,01%
Tài sản cố định	497.524	461.660	443.908	-3,85%
Bất động sản đầu tư	2.663	2.663	2.663	0,00%
Tài sản dở dang dài hạn	869.351	1.036.176	1.002.346	-3,26%
Đầu tư tài chính dài hạn	619.070	675.729	691.005	2,26%
Tài sản dài hạn khác	39.953	41.654	40.549	-2,65%
Tổng tài sản	4.395.674	4.427.761	4.368.392	-1,34%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán, đơn vị: triệu đồng

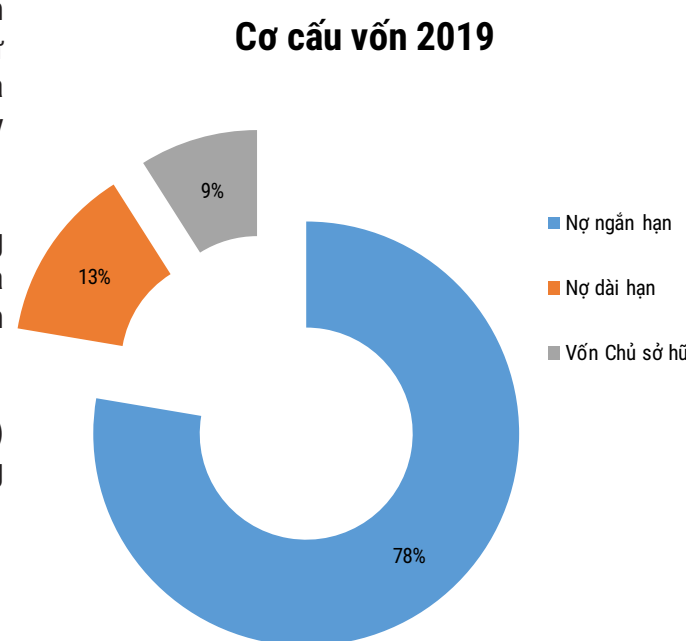
Tình hình tài chính

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Cơ cấu nguồn vốn của LICOGI tập trung vào hơn 90% nợ phải trả, phần lớn đến từ nợ vay đầu tư dự án, khách hàng trả trước và vay nợ thuê tài chính là một cơ cấu vốn quen thuộc trong những ngành xây dựng yêu cầu nguồn vốn ban đầu lớn.

Kết thúc năm 2019, Vốn chủ sở hữu của Tổng công ty duy trì tỷ trọng 9% trên Tổng nguồn vốn. Về phía nợ phải trả, nợ dài hạn chiếm 13% và nợ ngắn hạn với 78%.

Tỷ lệ đòn bẩy được sử dụng rất cao (xấp xỉ 10 lần) nhưng được bù lại khi LICOGI duy trì tính thận trọng cao trong việc gia tăng dự phòng phải trả.



Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán

Kết thúc năm 2019, cùng với biến động của tài sản, nợ ngắn hạn giảm 3,32% (từ 3.509.547 triệu đồng năm 2018 xuống 3.392.892 triệu đồng vào năm 2019). Khác với xu hướng giảm chung, mức dự phòng được Tổng công ty đẩy lên 129,69%, nâng cao tính thận trọng do Tổng công ty đã nhận thức sớm được tình hình vĩ mô phát triển không khả quan.

Tương tự, Nợ dài hạn biến động mạnh và ngược xu hướng, với mức tăng 34,44%, kết thúc năm tài chính 2019 đạt 583.065 triệu đồng, chủ yếu do trong năm LICOGI tăng các khoản vay và nợ thuê tài chính nhằm tài trợ cho các dự án đầu tư bước vào giai đoạn triển khai.

	2017	2018	2019	% 2018/2019
Nợ ngắn hạn	3.296.819	3.509.547	3.392.892	-3,32%
Phải trả người bán ngắn hạn	846.487	832.623	767.562	-7,81%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	438.475	291.210	314.755	8,09%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	173.560	167.456	174.993	4,50%
Phải trả người lao động	73.492	75.672	82.356	8,83%
Chi phí phải trả ngắn hạn	185.587	150.007	187.786	25,18%
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	7.774	0	875	-
Phải trả ngắn hạn khác	146.510	170.942	219.615	28,47%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.403.716	1.813.117	1.630.291	-10,08%
Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.173	1.398	3.212	129,69%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18.045	7.122	11.449	60,76%
Nợ dài hạn	647.475	433.708	583.065	34,44%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán, đơn vị: triệu đồng

Giải trình của Ban giám đốc về ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trên báo cáo tài chính năm 2019, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ do các lý do sau:

- Dự án Thịnh Liệt Dự án khu đô thị Thịnh Liệt được Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ra quyết định cấp phép đầu tư xây dựng vào ngày 17/09/2007 cho Tổng Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng sau đó được chuyển giao lần lượt cho Tổng Công ty Licogi-CTCP và Công ty TNHH MTV Nhà ở và đô thị Licogi. Các chi phí lãi vay vốn hóa này là một phần tài sản góp vốn khi thành lập công ty con. Tuy nhiên dự án kéo dài vì các yếu tố khách quan, đến thời điểm hiện tại dự án vẫn đang trong quá trình đền bù giải phóng mặt bằng và tiếp tục thực hiện trong thời gian tới nên Tổng Công ty vẫn tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay liên quan đến dự án này mà không tạm dừng vốn hóa chi phí lãi vay. Vấn đề này được khắc phục khi Công ty nhà thực hiện kinh doanh dự án, có lợi nhuận, Tổng công ty thu hồi được vốn đã đầu tư.
- Dự án Nam Ga Hạ Long: Nội dung này đã được đề cập trong các BCTC kiểm toán từ năm 2016 đến nay, nguyên nhân do việc ghi nhận doanh thu bán hàng theo tiến độ thu tiền của khách hàng. Khi Licogi 2 hoàn tất thủ tục bàn giao sổ đỏ cho khách hàng, ý kiến của kiểm toán sẽ được khắc phục.
- Công nợ phải thu, phải trả: Đây là những tồn tại của các công ty con đã phát sinh từ lâu, chưa có khả năng khắc phục do nhiều nguyên nhân như quá trình quyết toán công trình, dự án chưa hoàn thành, phát sinh kiện tụng, khó khăn về tài chính nên việc đối chiếu công nợ với khách hàng gặp khó khăn hoặc do các chủ đầu tư, nhà thầu chính chây ỳ, né tránh việc thực hiện đối chiếu công nợ,...
- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi, tài sản cố định, chi phí lãi vay, phạt chậm nộp thuế của Công ty Licogi 20, Licogi 15, Licogi 17, Lắp máy điện nước: Đây là những công ty có tình hình sản xuất kinh doanh đặc biệt khó khăn, thua lỗ kéo dài, hóa đơn bị cưỡng chế, phong tỏa tài khoản để nộp thuế nên phải xin xuất hóa đơn lẻ từng lần, gây khó khăn cho doanh nghiệp vì không có vốn để hoạt động. Vấn đề này cũng đã được kiểm toán nêu ra từ các báo cáo tài chính các năm trước và đến nay vẫn chưa khắc phục được

Phương án khắc phục:

- Thực hiện tốt công tác hồi tố kế toán và ghi nhận chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các Thông tư hướng dẫn kèm theo.
- Tiến hành yêu cầu đồng nhất về hệ thống ghi nhận kế toán giữa các công ty con, công ty liên kết và Tổng công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp thông tin tài chính dễ dàng, nhanh gọn và chính xác hơn.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp có chất lượng cao về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật, ngoại ngữ và kiến thức ở các lĩnh vực liên quan khác đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển của Tổng công ty.

Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương, thu nhập của người lao động theo hướng phát huy năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm và hiệu quả công tác, động viên, khuyến khích người lao động nỗ lực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Phối hợp với tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Tập trung nguồn lực hiện có, phát huy lợi thế, phát triển các ngành nghề: thi công xây lắp, xử lý nền móng, hạ tầng, công trình ngầm.

Phát triển và phát huy thế mạnh về thi công hạ tầng. Đặc biệt là các công trình hạ tầng về giao thông, hạ tầng đô thị.

Tập trung nguồn lực để làm tổng thầu các công trình xây dựng đô thị lớn mà Chủ đầu tư là đối tác chiến lược của Tổng công ty Licogi.

Xây dựng lực lượng CBCNV ổn định tư tưởng, hoàn thiện tổ chức, hoạt động một cách hiệu quả, đổi mới quản trị theo chuẩn mực và thông lệ tiên tiến, phù hợp với đặc thù hoạt động thi công xây lắp.

Củng cố và phát triển thương hiệu, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường về các lĩnh vực: Thi công xây lắp, xử lý nền móng, hạ tầng, công trình ngầm. Phấn đấu đạt và vượt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước được ĐHCĐ thường niên 2020 thông qua.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về mọi mặt hoạt động của công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc
Kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Đánh giá của Hội đồng về mọi mặt hoạt động của công ty

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ, NGÀNH

Năm 2020, ngành Xây dựng được dự báo chuẩn bị bước vào giai đoạn tái cấu trúc và giai đoạn giảm tốc. Biến động chi phí đầu vào dự báo của ngành Xây dựng sẽ biến động theo hướng thuận lợi cho Tổng công ty, giá thép dự kiến giảm do áp lực gia tăng công suất nội địa và hàng rào thuế quan hết hiệu lực cùng với việc giá xi măng có thể tăng nhẹ (dưới 5%) do hạn chế xuất khẩu đang được nới lỏng, tuy nhiên, triển vọng ngắn hạn chung của cả Ngành vẫn kém khả quan, dự kiến chỉ tăng trưởng 7,2% trong giai đoạn 2019 – 2020, giảm so với giai đoạn trước 2%. Thị trường nhà ở chững lại do động thái ổn định thị trường bất động sản của Chính phủ; xây dựng cơ sở hạ tầng tăng trưởng thấp bởi vốn đầu tư công hạn chế và khung pháp lý PPP chưa hoàn thiện.

Nhận thức sâu sắc tình thế hiện tại và dự báo trong thời gian tới, Ban lãnh đạo Tổng công ty LICOGI đã có những định hướng chiến lược thực tế, kịp thời và linh hoạt để tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng công ty vẫn phát triển theo kế hoạch dài hạn đã đề ra. LICOGI vẫn tiếp tục tập trung phát triển 3 lĩnh vực nòng cốt là: Xây lắp, Sản xuất công nghiệp – vật liệu xây dựng và Đầu tư khu đô thị nhà ở.



	2017	2018	2019	% 2018/2019
Doanh thu thuần	2.606.452	2.602.117	2.305.321	-11,41%
Lợi nhuận từ HĐKD	-25.905	89.885	-38.683	-143,04%
Lợi nhuận trước thuế	-43.648	66.724	-58.209	-187,24%
Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ	-103.289	3.219	2.718	-15,56%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán, đơn vị: triệu đồng

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2019 khép lại với thắng lợi của nền kinh tế Việt Nam trên nhiều phương diện. Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, Việt Nam vẫn giữ được các chỉ tiêu tăng trưởng ở mức khả quan, GDP năm 2019 tăng 7,02% so với cùng kỳ năm trước, chỉ số lạm phát được giữ ở mức trung bình năm 2,8%. Tuy nhiên bội chi ngân sách, năng suất lao động thấp, thiên tai vẫn là những thách thức với nền kinh tế.

Mặc dù tình hình kinh tế vĩ mô đã tương đối ổn định nhưng các doanh nghiệp vẫn phải đối mặt với những thách thức lớn. Đa phần doanh nghiệp xây dựng đều thiếu vốn cho sản xuất và đầu tư phát triển; lãi suất cho vay tuy đã giảm nhưng vẫn ở mức cao và có nhiều quy định ràng buộc khiến việc tiếp cận nguồn vốn vay còn khó khăn. Thị trường bất động sản vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn do nợ xấu bất động sản trong hệ thống ngân hàng và lượng hàng tồn kho còn cao, ảnh hưởng đến lợi nhuận và kế hoạch đầu tư phát triển các dự án mới, khả năng tham gia đấu thầu, thi công công trình của doanh nghiệp.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của LICOGI lập và đã được ĐHCĐ phê duyệt trên cơ sở dự kiến dự án Thịnh Liệt được triển khai và Licogi sẽ thi công gói Hạ tầng kỹ thuật và gói thầu thi công nhà CT5 với giá trị khoảng 374 tỷ đồng tuy nhiên đến nay vẫn chưa được triển khai. Dựa trên số liệu được kiểm toán trong Báo cáo tài chính 2019, Licogi chỉ hoàn thành 80,8% kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT) đem lại kết quả khả quan hơn với hơn 90% hoàn thành kế hoạch. Bên cạnh đó, Licogi đã không duy trì được chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế dương và kế hoạch tăng lợi nhuận trong năm.

Đồng thời, một số công ty có vốn góp của Licogi có kết quả kinh doanh lỗ trong năm 2019 đã ảnh hưởng đến lợi nhuận hợp nhất. Như CTCP Thủy điện Bắc Hà, do năm 2019 điều kiện thủy văn không thuận lợi, thiếu nước nên sản lượng điện không đạt chỉ tiêu khiến CTCP Thủy điện Bắc Hà lỗ 41,83 tỷ đồng Tổng công ty phải trích lập dự phòng rủi ro là 18,34 tỷ đồng.

Trước những thuận lợi và khó khăn trên, HĐQT cùng Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên LICOGI đã không ngừng cố gắng, nỗ lực phấn đấu để thực hiện các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao: kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ, lợi nhuận hoàn thành vượt kế hoạch, không bị lỗ như dự kiến (LNTT 2019 là 2,71 tỷ đồng/LN kế hoạch là -26,981 tỷ đồng).

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc

Ban Tổng giám đốc, đứng đầu là Tổng giám đốc, đã điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ và đăng ký kinh doanh của Tổng công ty. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc là những cán bộ có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh, thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công, tuân thủ và triển khai đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Tổng giám đốc xây dựng cơ chế làm việc dân chủ, công khai, phân cấp phân quyền cụ thể cho từng thành viên trong Ban Tổng giám đốc để mỗi người có thể phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo và chịu trách nhiệm trong lĩnh vực công tác được giao phụ trách. Với vai trò là người đại diện trước pháp luật của Tổng công ty, chịu trách nhiệm cao nhất trong công tác điều hành, Tổng giám đốc tiếp tục phát huy tính quyết đoán, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn đề xuất nhiều ý tưởng mới và giải pháp thực hiện để HĐQT xem xét, quyết định.

Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã tiếp thu và tuân thủ một cách nghiêm túc những chỉ đạo từ các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT, triển khai các giải pháp cần thiết về tài chính, nhân sự, huy động nguồn lực từ các đơn vị thành viên, nỗ lực đạt kết quả sản xuất kinh doanh trong điều kiện gặp nhiều khó khăn của Tổng công ty.



Kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG NĂM 2020

Năm 2020, sẽ là năm tiếp tục có nhiều khó khăn hơn đối với LICOGI trong hoạt động kinh doanh, và tìm kiếm việc làm. Với dự báo xu hướng của Ngành và tình hình dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp, LICOGI sẽ đối mặt với những bất lợi trong công tác đấu thầu và triển khai dự án.

Xác định năm 2020 tới đặc biệt khó khăn đối với hoạt động SXKD của Tổng Công ty, vì vậy, HĐQT LICOGI với vai trò là cơ quan quản trị Tổng Công ty quyết tâm tập trung mọi nguồn lực để tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020. Đặc biệt, Tổng Công ty vẫn sẽ quan tâm đến các chỉ tiêu cơ bản như sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, lương và các chế độ của CBCNV, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông, tạo một thương hiệu tốt trên sàn chứng khoán và đối với các khách hàng.



Kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN NĂM 2020

Tiếp tục triển khai định hướng và giải pháp thực hiện đã được HĐQT đề ra trong báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên 2020; trong đó bổ sung và tập trung một số định hướng và giải pháp cụ thể về một số lĩnh vực sau:

Về công tác tổ chức

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, ban đơn vị để xác định số lao động thực tế cần sử dụng, vị trí đảm nhiệm công việc làm cơ sở để trả lương cho người lao động gắn với hiệu quả công việc theo hướng "làm công việc gì thì hưởng lương theo công việc ấy", phát huy tinh thần trách nhiệm của người lao động, từng bước tinh giản bộ máy kết hợp đào tạo, tuyển dụng cán bộ có kinh nghiệm để quản lý, điều hành, tuyển dụng công nhân lành nghề vận hành thiết bị để có đủ nguồn nhân lực thi công các công trình khi Tổng công ty tham gia thi công.

Kiên trì định hướng cơ cấu lại tổ chức, định rõ ba khối chức năng: kinh doanh, hỗ trợ kinh doanh và vận hành, gắn với việc triển khai Đề án tái cấu trúc toàn diện Tổng công ty. Tiếp tục rà soát để sửa đổi, bổ sung, ban hành đồng bộ hệ thống quy trình, quy chế nội bộ của Tổng công ty.

Đánh giá hiệu quả hoạt động của các chi nhánh để có phương án sắp xếp, kể cả biện pháp giải thể, chấm dứt hoạt động, hạch toán báo sổ tiến tới không còn mô hình đơn vị phụ thuộc nhưng hạch toán độc lập.

Tổ chức Hội nghị, hội thảo, tập huấn về việc thực hiện Quy chế quản lý Người đại diện vốn của Licogi tại doanh nghiệp khác nhằm giúp cho Người đại diện nắm được đầy đủ quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền lợi của người đại diện. Xây dựng Quy chế giám sát, đánh giá người đại diện; ký hợp đồng với tất cả người đại diện nhằm đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của việc giám sát các khoản đầu tư ra bên ngoài; có chế độ thù lao, phụ cấp đối với Người đại diện không tham gia HĐQT, bộ máy điều hành của danh nghiệp có vốn góp hoặc tham gia HĐQT,

bộ máy điều hành nhưng doanh nghiệp không có thù lao, phụ cấp. Tổ chức họp với người đại diện của Tổng công ty tối thiểu 6 tháng/1 lần.

Rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của Người đại diện, cử cán bộ có năng lực làm người đại diện, đặc biệt là đại diện tại các công ty con hoặc công ty liên kết có vốn đầu tư lớn.

Về công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm

Tăng cường công tác tiếp thị, đấu thầu, tìm kiếm việc làm để khai thác tối đa máy móc, thiết bị, lao động hiện có vẫn là mục tiêu số một của Tổng công ty trong giai đoạn hiện nay; xây dựng, củng cố lực lượng làm hồ sơ đấu thầu và chỉ tham gia đấu thầu các công trình có nguồn vốn rõ ràng; không ký các hợp đồng thi công công trình, dự án có giá thấp, khả năng thanh toán kém. Ưu tiên, chú trọng đấu thầu các công trình, dự án về thi công san nền, xử lý nền móng, hạ tầng, giao thông, thủy điện, nhiệt điện là thế mạnh, lợi thế cạnh tranh cốt lõi của LICOGI so với các doanh nghiệp cùng ngành nghề và các công trình, dự án do nước ngoài làm chủ đầu tư cũng như làm nhà thầu xây lắp. Phối hợp với các đơn vị có quan hệ truyền thống của Tổng công ty, kể cả các đơn vị trong và ngoài nước để tham gia trong tổ hợp nhà thầu hoặc làm thầu phụ.

Sớm triển khai Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt để kinh doanh, thu hồi vốn và tạo việc làm cho Tổng công ty và doanh nghiệp thành viên.

Đi sâu nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành và tăng khả năng cạnh tranh, nhất là đối với các công trình, dự án đòi hỏi kỹ thuật cao, địa chất phức tạp.

Khai thác triệt để máy móc, thiết bị hiện có để trích khấu hao tài sản, giải quyết việc làm cho người lao động nhưng phải đảm bảo không bị lỗ; đối với máy móc, thiết bị cũ nát, không có nhu cầu sử dụng hoặc hiệu quả sử dụng thấp sẽ được thanh lý, nhượng bán.

Đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động bằng việc tìm kiếm mở rộng thị trường xuất khẩu lao động, chuyển đổi, nâng cấp Chi nhánh Xuất khẩu lao động thành Công ty TNHH Một thành viên do LICOGI sở hữu 100% vốn Điều lệ.

Đối với các công trình trúng thầu, phải tổ chức thi công thật tốt, quản lý chặt chẽ, đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn, hiệu quả, có tính chuyên nghiệp, tạo niềm tin đối với khách hàng, từng bước củng cố thương hiệu và uy tín của LICOGI.

Công tác tài chính

Chuẩn bị đầy đủ nguồn vốn để đầu tư Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt của Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI; tổ chức giám sát Công ty trong việc sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả.

Chỉ đạo quyết liệt hơn nữa công tác nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi vốn; đối với những khoản nợ lâu năm, khó đòi cần củng cố hồ sơ pháp lý đề nghị các cơ quan pháp luật can thiệp để thu hồi nợ. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quản lý, quản trị tài chính, kế toán, đảm bảo tăng cường tính minh bạch, phản ánh và cung cấp kịp thời, đúng tiến độ thông tin kế toán, quản trị hàng quý, 6 tháng và 01 năm theo yêu cầu và quy định đối với công ty đại chúng.

Tăng cường công tác quản lý giá thành, định mức kinh tế - kỹ thuật. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý ở tất cả các khâu, từ đấu thầu, quản lý hợp đồng, thi công, đến nghiệm thu, thanh - quyết toán, khuyến khích đổi mới, sáng tạo, cải tiến kỹ thuật nhằm kiểm soát tốt và tiết giảm chi phí. Hoàn chỉnh, ban hành quy chế quản lý các khoản đầu tư, góp vốn và giám sát tài chính; Quy định thu - chi nội bộ và quản lý công nợ, Quy trình tổ chức và quản lý mua sắm tập trung.

Công tác đầu tư phát triển, thanh lý tài sản

Tập trung mọi nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đầu tư

các dự án về đô thị, nhà ở; chỉ đầu tư máy móc, thiết bị trong trường hợp thật sự cần thiết hoặc thuê ngoài.

Tổ chức thanh lý những thiết bị cũ nát, lạc hậu, không cần dùng, khó khai thác để bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, trả nợ và tái đầu tư đã được HĐQT Tổng công ty thông qua.

Công tác tái cấu trúc, đổi mới phát triển doanh nghiệp

Rà soát để tái cấu trúc các khoản đầu tư, thực hiện thoái vốn ở một số doanh nghiệp, đặc biệt là thoái vốn tại một số công ty liên kết đã được ĐHĐCĐ thông qua nhằm đảm bảo cân đối tài chính của Tổng công ty, giảm áp lực lãi vay và nâng cao kết quả lợi nhuận.

Việc thoái vốn phải đảm bảo đúng các quy chế, quy định, trình tự thủ tục theo quy định của Chính phủ, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

Công tác quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ

Thường xuyên rà soát để bổ sung, sửa đổi các quy chế, quy định, quy trình đã ban hành, xây dựng các quy chế mới phù hợp với quy định của pháp luật và hoạt động của LICOGI nhằm đảm bảo đủ công cụ hữu hiệu cho quản lý theo thông lệ và yêu cầu áp dụng với công ty đại chúng.

Công tác phát triển thương hiệu LICOGI và quan hệ với các cổ đông

Rà soát sổ tay thương hiệu và quy chế sử dụng thương hiệu LICOGI, gắn trách nhiệm của các doanh nghiệp trong hệ thống trong việc xây dựng và củng cố thương hiệu.

Tiếp tục quan tâm, củng cố mối quan hệ với cổ đông và công chúng đầu tư thông qua việc công bố thông tin kịp thời, minh bạch, đúng quy định.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Giao dịch và thù lao

Hội đồng quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP cá nhân sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Chú thích
1	Đình Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT	-	-	Bổ nhiệm ngày 01/07/2019
2	Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-	Tổng giám đốc
3	Ứng Tiến Đỗ	Thành viên Hội đồng Quản trị	68.279	0,08%	Bổ nhiệm lại ngày 21/06/2019
4	Nguyễn Danh Quân	Thành viên HĐQT	19.110.355	21,23%	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019
5	Nguyễn Thanh Hợp	Thành viên HĐQT	17.312.888	19,24%	
6	Hoàng Quốc Quân	Thành viên HĐQT	-	-	Miễn nhiệm ngày 21/06/2019

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sau khi kiện toàn, HĐQT đã tiến hành bầu Chủ tịch HĐQT, thực hiện phân công nhiệm vụ của từng thành viên cho phù hợp với năng lực của từng thành viên, trong năm, Hội đồng quản trị LICOGI đã tiến hành 10 cuộc họp HĐQT để thảo luận và thông qua các nội dung quan trọng trong kế hoạch sản xuất kinh doanh và đã thông qua 84 Nghị quyết. Ngoài ra, HĐQT còn tổ chức lấy ý kiến từng thành viên qua email đảm bảo tính độc lập, khách quan của từng thành viên.

HĐQT đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 vào ngày 21/06 để thảo luận và thông qua các nội dung quan trọng trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

HĐQT luôn bám sát Nghị quyết ĐHCĐ và nghiêm chỉnh thực hiện các nội dung đã thông qua tại ĐHCĐ theo đúng quy định của Điều lệ và các quy chế hoạt động của HĐQT.

Trong năm 2019, HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm thuộc phạm vi chức năng và nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty. HĐQT thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời, đảm bảo chủ động trong điều hành của Ban Tổng giám đốc; các thành viên HĐQT theo nhiệm vụ được phân công và HĐQT đã thường xuyên trao đổi, làm việc với Ban Tổng giám đốc theo các nội dung cần thiết để chủ động chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC

- Kiểm tra giám sát hồ sơ quyết toán năm 2019
- Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019
- Trong suốt nhiệm kỳ, HĐQT đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông về các vấn đề mà đại hội giao phó



Ban kiểm soát

BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP cá nhân sở hữu	Tỷ lệ sở hữu(%)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Khánh Phương	Trưởng BKS	200	0,00%	
2	Kiều Bích Hoa	Thành viên BKS	-	-	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019
3	Nguyễn Thu Trang	Thành viên BKS	-	-	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019
4	Lê Thanh Huyền	Nguyên Trưởng BKS	-	-	Miễn nhiệm ngày 21/06/2019

Trong năm, Ban kiểm soát đã tổ chức 05 cuộc họp định kỳ với đầy đủ các thành viên tham gia, thường xuyên trao đổi thông tin qua email, điện thoại... để nắm bắt được tình hình quản trị công ty và tổng hợp phân tích trao đổi các ý kiến, đưa ra các biện pháp nhằm mang lại lợi ích chung cho Tổng Công ty. Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai, kiểm tra giám sát các hoạt động của Công ty.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Kiểm soát công tác quản lý và điều hành của HĐQT và BĐH trong việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT. Đảm bảo kế hoạch SXKD được triển khai theo đúng mục tiêu chiến lược kế hoạch đã đưa ra trong các kỳ Đại hội và các cuộc họp của HĐQT. Các vấn đề mang tính chiến lược hoặc vấn đề lớn của Tổng Công ty đều được HĐQT thông qua các cuộc họp HĐQT và nhận được sự thống nhất rất cao từ các thành viên HĐQT. Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Tổng Công ty theo các quy định của Luật Chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Về thực hiện nhiệm vụ giám sát: Ban kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương Tổng Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với Nghị quyết của Đại hội cổ đông. Trong các cuộc họp, BKS tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác SXKD, công tác đầu tư và một số công tác khác của Tổng Công ty. BKS không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Tổng Công ty, của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc.

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Để thực hiện nghiêm túc công tác kiểm soát theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cũng như nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ giao, BKS xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2020 như sau:

1. Tiếp tục tổ chức bộ máy Ban kiểm soát làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của BKS.
2. Tổ chức các buổi tự đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của các thành viên BKS.
3. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông trên tinh



thần hợp tác để mang lại hiệu quả cao.

4. Thực hiện các hoạt động thường xuyên như:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Tổng công ty;
- Giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty; Nắm bắt các cơ chế, chính sách ban hành nhằm kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu những rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tiếp tục đồng hành cùng tổ dự án Tái cấu trúc về tổ chức của LICOGI để xây dựng hoàn thiện cấu trúc tổ chức, chức năng nhiệm vụ và hệ thống quy trình, quy chế quản lý nội bộ theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với hoạt động thực tiễn của Tổng công ty;
- Định kỳ thẩm tra tính trung thực của báo cáo tài chính quý, năm;
- Tăng cường giám sát việc quản lý vốn đầu tư của Tổng công ty vào doanh nghiệp khác, cụ thể: tổ chức chương trình làm việc kiểm tra, giám sát hoạt động tại một số Công ty con có vốn góp lớn, chịu sự chi phối của LICOGI;
- Tư vấn cho Hội đồng quản trị các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản, tiết kiệm chi phí của Tổng Công ty;
- Đưa ra chương trình kiểm tra đối với một số lĩnh vực cụ thể và các yêu cầu đột xuất khác của cổ đông.

5. Trình phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2020 của LICOGI, nhằm đảm bảo việc tổ chức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập hiệu quả về chất lượng và chi phí.

Giao dịch và tiền lương, thù lao

THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (VNĐ/tháng)	Ghi chú
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Đình Việt Tùng	Chủ tịch	35.000.000	Chưa thực hiện chi trả thù lao thuộc quyền thụ hưởng của SCIC (Ông Đình Việt Tùng là đại diện vốn của SCIC)
	Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch	30.000.000	
	Ứng Tiến Đỗ	Thành viên	28.000.000	(Bổ nhiệm lại ngày 21/6/2019)
	Nguyễn Danh Quân	Thành viên	28.000.000	(Bổ nhiệm ngày 21/6/2019)
	Nguyễn Thanh Hợp	Thành viên	28.000.000	
	Hoàng Quốc Quân	Nguyên Thành viên	20.000.000	(Miễn nhiệm 21/6/2019)
	Tổng		1.063.500.000 đồng/năm	
BAN KIỂM SOÁT	Nguyễn Thi Khánh Phương	Trưởng ban	30.000.000	(Bổ nhiệm 21/6/2019)
	Kiều Bích Hoa	Thành viên	5.000.000	Chưa thực hiện chi trả thù lao thuộc quyền thụ hưởng của SCIC (bà Kiều Bích Hoa là cán bộ của SCIC)
	Nguyễn Thu Trang	Thành viên	15.000.000	
	Lê Thanh Huyền	Nguyên Trưởng ban	30.000.000	(Miễn nhiệm 21/6/2019)
	Tổng		480.000.000 đồng/năm	
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Ban TGD chỉ có lương và thực hiện theo quy chế chế lương của Tổng công ty			

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có

GIAO DỊCH, HỢP ĐỒNG CỦA TỔNG CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Không có



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chỉ tiêu bền vững
Chính sách phát triển bền vững

Chỉ tiêu phát triển bền vững



TỔNG CÔNG TY ĐÃ CHÚ TRỌNG XÂY DỰNG CÁC GIẢI PHÁP VÀ QUY ĐỊNH SỬ DỤNG ĐIỆN:

- Ngắt nguồn điện nếu không sử dụng các thiết bị khi hết giờ làm việc.
- Tận dụng tối đa ánh sáng và hệ thống thông gió tự nhiên.
- Chỉ sử dụng điều hòa khi nhiệt độ thật cần thiết.
- Nhiệt độ làm mát thấp nhất được cho phép là 25 độ C Lựa chọn sử dụng, mua mới các thiết bị có hiệu suất năng lượng cao hơn theo nhãn tiết kiệm năng lượng khi buộc phải đầu tư, trang bị phương tiện, dụng cụ mới.
- Nghiên cứu thiết kế hệ thống tuần hoàn nước để giảm tiêu hao nước ở mức thấp nhất.
- Thường xuyên kiểm tra thiết bị máy móc, dây dẫn, thiết bị điện đảm bảo không rò rỉ, thất thoát và an toàn trong sản xuất.

TRONG NĂM TỔNG CÔNG TY TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0.
- Tổng số tiền phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0.

Chính sách phát triển bền vững

LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xác định nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong quá trình phát triển Tổng Công ty. Nhân sự Tổng Công ty chiếm đa số là công nhân lao động có kỹ thuật, đòi hỏi sức khỏe và làm việc trong môi trường nguy hiểm và độc hại, chính vì vậy số lượng lao động được đào tạo buộc phải chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu trình độ lao động của Tổng Công ty Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Tổ chức mua bảo hiểm thân thể, Bảo hiểm tai nạn lao động 24/24h, Bảo hiểm y tế đầy đủ cho người lao động. Tổ chức phục vụ bữa ăn giữa ca đảm bảo chất lượng cho CBCNV làm việc ở cơ quan và trên công trường. Thường xuyên tổ chức học tập an toàn lao động trên công trình thi công, cung cấp, lắp đặt các biển báo an toàn trên công trường đặc biệt những vị trí nguy hiểm dễ xảy ra tai nạn lao động cho người và máy móc thiết bị.
- Trích quỹ phúc lợi thưởng cho CBCNV nhân dịp Lễ, Tết. Chính sách đào tạo Nhân viên tại Tổng Công ty được chú trọng đào tạo nâng cao tay nghề và tham gia các hoạt động tập huấn, đảm bảo tiêu chuẩn lao động đáp ứng tốt nhất yêu cầu chuyên môn của công việc tại Tổng Công ty.

LIÊN QUAN ĐẾN LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG VÀ MÔI TRƯỜNG

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương là một trong những sứ mệnh của Tổng Công ty, Công ty hành động và luôn đồng hành cùng các hoạt động thiết thực với xã hội với mong muốn nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trẻ của đất nước, duy trì nghĩa vụ và trách nhiệm với cộng đồng địa phương nơi Doanh nghiệp có lợi ích hoạt động.

Trong năm Tổng công ty đã tổ chức quyên góp được số tiền 279.301.000 đồng trong đó chuyển về địa phương là 143.200.000 đồng.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2019

Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Bảng kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển dòng tiền
Thuyết minh BCTC

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty LICOGI - CTCP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Tổng Công ty LICOGI - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/07/2019
Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch	
Ông Đinh Việt Tùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019
Ông Nguyễn Danh Quân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019
Ông Nguyễn Thanh Hợp	Ủy viên	
Ông Hoàng Quốc Quân	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21/06/2019
Ông Ứng Tiến Đỗ	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01/07/2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thanh Hải	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Danh Quân	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2019
Ông Lê Khắc Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phan Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Khánh Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm trưởng ban kiểm soát ngày 21/06/2019
Bà Lê Thanh Huyền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/06/2019
Bà Nguyễn Thu Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019
Bà Kiều Bích Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Tổng Công ty áp dụng đối với Tổng Công ty đại chúng và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty LICOGI - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty LICOGI - CTCP được lập ngày 06 tháng 04 năm 2020, từ trang 08 đến trang 57, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 100419.004/BCTC.KT2 ngày 10 tháng 04 năm 2019 về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty Licogi - CTCP, Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về một số vấn đề. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Tổng Công ty, cụ thể như sau:

Dự án khu đô thị Nam Ga Hạ Long và dự án Bất động sản Khu dân cư Licogi 17

Trong các năm trước, Tổng Công ty đã ghi nhận một phần doanh thu và giá vốn của Dự án Khu đô thị Nam Ga Hạ Long trên cơ sở nhận tiền trước. Cơ sở ghi nhận doanh thu này chưa phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (VAS14) và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng của dự án này trong năm 2018 tăng lên lần lượt là 8,9 tỷ đồng và 7,3 tỷ đồng. Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm 2018 sẽ tăng lên khoảng 1,6 tỷ đồng.

Trong năm 2019, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu và giá vốn của dự án này trong đó có một số lô đất đã được ghi nhận một phần doanh thu từ các kỳ trước. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng của dự án này trong năm 2019 tăng lên lần lượt là 2,68 tỷ đồng và 2,20 tỷ đồng. Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm 2019 sẽ tăng lên khoảng 0,47 tỷ đồng.

Trong các năm trước, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của dự án Bất động sản Khu dân cư Licogi 17 trên cơ sở nhận tiền trả trước của khách hàng. Cơ sở ghi nhận doanh thu này chưa tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (VAS14) và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng của dự án này trong năm 2018 tăng lên lần lượt là 21,1 tỷ đồng và 14,2 tỷ đồng. Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm 2018 sẽ tăng lên khoảng 6,9 tỷ đồng. Do vậy, sai sót này làm ảnh hưởng đến số liệu so sánh năm 2018 trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng công ty.

Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt

Trong năm 2016, trước khi bàn giao dự án sang Công ty con, Tổng Công ty đã tính toán lại chi phí lãi vay của các năm trước và ghi nhận vốn hóa lãi vay cho dự án này vào tài khoản đối ứng "Phải trả ngắn hạn khác" một khoản là 87,49 tỷ đồng (thuyết minh số 21). Việc hạch toán này chưa tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - "Chi phí đi vay" (VAS16), nếu Tổng Công ty ghi nhận theo VAS16, thì khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và khoản mục phải trả dài hạn khác tại ngày 01/01/2019 sẽ giảm 87,49 tỷ đồng.

Tính đến thời điểm 31/12/2018, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 341,34 tỷ đồng. Trong năm 2019, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án này với tổng giá trị là 56,54 tỷ đồng, đồng thời điều chỉnh giảm chi phí lãi vay đã vốn hóa năm 2016 số tiền 87,49 tỷ đồng dẫn đến tổng giá trị vốn hóa lãi vay lũy kế của dự án này tính đến 31/12/2019 là 310,38 tỷ đồng. Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên Chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16.

Các khoản công nợ phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Tại ngày 31/12/2018 và 31/12/2019, tại các công ty con của Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải thu mà kiểm toán viên không đánh giá được quyền và nghĩa vụ, tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ cũng như đánh giá tổn thất của các khoản nợ phải thu này. Cụ thể: tại Công ty Cổ phần Licogi 15 nợ phải thu là 94,8 tỷ đồng và 91,92 tỷ đồng, tại Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước -Licogi nợ phải thu là 6,22 tỷ đồng và 11,56 tỷ đồng, tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20) nợ phải thu là 119,89 tỷ đồng và 120,32 tỷ đồng và tại Công ty Cơ giới và Xây lắp số 10 nợ phải thu tại 31/12/2019 là 11,9 tỷ đồng.

Tại ngày 31/12/2018 và 31/12/2019, một số Công ty con của Tổng Công ty (bao gồm: Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9, Công ty Cổ phần Licogi 17) chưa trích lập đầy đủ các khoản dự phòng phải thu khó đòi cho khoản mục "Phải thu ngắn hạn của khách hàng", "Phải thu ngắn hạn khác" theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng (TT48). Nếu các đơn vị này trích lập dự phòng đầy đủ các khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo đúng hướng dẫn tại TT 48 thì chỉ tiêu Dự phòng nợ phải thu khó đòi sẽ tăng lên, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018 và 31/12/2019 sẽ giảm đi lần lượt là 21,69 tỷ đồng và 20,57 tỷ đồng. Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2019, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ giảm đi và chỉ tiêu "Lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ tăng đi số tiền 1,17 tỷ đồng.

Các khoản công nợ phải trả

Tại ngày 01/01/2019 và 31/12/2019, Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải trả nhưng kiểm toán viên không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định được quyền và nghĩa vụ, tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này, cụ thể như sau:

- Tại Công ty mẹ là 48,06 tỷ đồng;
- Tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 là 14,17 tỷ đồng;
- Tại Công ty Cổ phần Licogi 15 là 141,08 tỷ đồng và 143,23 tỷ đồng;
- Tại Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước- Licogi là 14,44 tỷ đồng và 24,06 tỷ đồng;
- Tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20 là 253,59 tỷ đồng và 256,63 tỷ đồng.
- Tại Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 tại 31/12/2019 là 20,18 tỷ đồng.

Hàng tồn kho và tài sản cố định

Kiểm toán viên không thể thu thập đủ bằng chứng để đánh giá tính hiện hữu của các tài sản cố định đang trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 01/01/2019 và 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Licogi 20 với số tiền lần lượt là 30,31 tỷ đồng và 30,06 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm 2018 và năm 2019 Công ty Licogi 20 không thực hiện ghi nhận chi phí khấu hao tài sản cố định vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chúng tôi không thể xác định được chi phí khấu hao cần ghi nhận bổ sung vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 và năm 2019 của Tổng Công ty.

Trong năm 2018 và năm 2019, Kiểm toán viên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 31/12/2018 và 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Licogi 10, Công ty Cổ phần Licogi 15 và Công ty Licogi 20 với tổng giá trị hàng tồn kho lần lượt là 133,62 tỷ đồng và 132,36 tỷ đồng.

Một số sai sót khác

Tại ngày 31/12/2018, Công ty con - Công ty Cổ phần Licogi 15 của Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp các loại thuế và chi phí lãi vay phải trả ngân hàng và các đối tượng khác tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2018. Trong năm 2019, Công ty Cổ phần Licogi 15 tiếp tục chưa ghi nhận bổ sung các khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp thuế cũng như cũng như các khoản chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2019. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán để xác định chi phí lãi vay và các khoản phải trả nêu trên nên chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến lãi/(lỗ) trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Trong năm 2018, Kiểm toán viên không tiếp cận được với các tài liệu, hồ sơ ghi nhận doanh thu phát sinh tại Công ty Licogi 20 của một số công trình đang được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất với số tiền 18,55 tỷ đồng, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh các chỉ tiêu doanh thu, công nợ phải thu và các chỉ tiêu liên quan khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty LICOGI - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.371 tỷ đồng, lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là 592,84 tỷ đồng chiếm 65,87% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thực hiện tái cấu trúc Tổng Công ty theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên, đồng thời có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Những sự kiện này cùng với các vấn đề khác nêu tại Thuyết minh số 2.3 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Tổng Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

2. Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 2.3 - Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất, theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP, do một số vướng mắc liên quan đến quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2018-002-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2020

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.021.795.433.582	2.043.769.592.217
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	210.866.723.277	108.777.989.204
111	1. Tiền		85.587.850.675	77.014.593.664
112	2. Các khoản tương đương tiền		125.278.872.602	31.763.395.540
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	52.327.517.800	20.817.658.400
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		52.327.517.800	20.817.658.400
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.082.146.421.425	1.168.559.224.968
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.027.069.259.431	1.091.358.112.798
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	79.122.824.229	76.032.850.332
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	12.553.740.010	13.803.740.010
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	311.056.359.138	335.775.094.089
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(347.879.736.892)	(348.410.572.261)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		223.975.509	-
140	IV. Hàng tồn kho	10	651.788.075.844	716.781.985.894
141	1. Hàng tồn kho		669.699.615.872	734.189.588.035
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(17.911.540.028)	(17.407.602.141)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		24.666.695.236	28.832.733.751
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	4.166.720.478	5.636.352.596
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		19.150.724.007	22.433.589.673
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	1.349.250.751	762.791.482

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.346.597.021.980	2.383.991.552.128
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		166.125.699.108	166.108.699.108
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6	165.000.000.000	165.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.125.699.108	1.108.699.108
220	II. Tài sản cố định		443.907.836.780	461.660.515.249
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	416.374.495.907	434.097.206.422
222	- Nguyên giá		1.552.172.684.412	1.535.428.447.214
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.135.798.188.505)	(1.101.331.240.792)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	27.533.340.873	27.563.308.827
228	- Nguyên giá		29.321.169.806	29.335.455.521
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.787.828.933)	(1.772.146.694)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	2.663.302.754	2.663.302.754
231	- Nguyên giá		2.745.140.454	2.745.140.454
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(81.837.700)	(81.837.700)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	1.002.345.544.371	1.036.175.743.442
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		983.436.254.597	985.646.601.990
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		18.909.289.774	50.529.141.452
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	691.005.061.416	675.729.332.111
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		625.587.557.296	632.973.233.083
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		59.260.545.400	63.010.545.400
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(343.041.280)	(20.254.446.372)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		6.500.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		40.549.577.551	41.653.959.464
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	39.383.545.618	40.958.846.445
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.166.031.933	695.113.019
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.368.392.455.562	4.427.761.144.345

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.975.957.223.365	3.943.255.507.831
310	I. Nợ ngắn hạn		3.392.892.487.756	3.509.547.712.861
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	767.562.013.844	832.622.789.362
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	314.755.326.160	291.210.050.735
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	174.992.935.342	167.456.239.549
314	4. Phải trả người lao động		82.355.653.202	75.671.832.091
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	187.785.525.077	150.007.167.894
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		875.000.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	219.615.229.061	170.941.817.109
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	1.630.290.545.282	1.813.117.457.758
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	3.211.587.751	1.398.278.975
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.448.672.037	7.122.079.388
330	II. Nợ dài hạn		583.064.735.609	433.707.794.970
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20	2.959.834.580	2.103.806.149
337	2. Phải trả dài hạn khác	21	234.020.880.076	321.087.610.790
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23	338.199.131.245	102.605.579.536
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		2.079.201.832	2.141.720.208
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	22	5.805.687.876	5.769.078.287
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		392.435.232.197	484.505.636.514
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	392.435.232.197	484.505.636.514
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		900.000.000.000	900.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		900.000.000.000	900.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		117.558.651	117.558.651
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(89.169.818.319)	(89.169.818.319)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		85.677.025.040	75.950.358.181
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.083.295.470	2.083.295.470
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(592.838.301.947)	(501.025.306.021)
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		(524.235.001.107)	(535.713.192.533)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(68.603.300.840)	34.687.886.512
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		86.565.473.302	96.549.548.552
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.368.392.455.562	4.427.761.144.345

Lê Thị Thanh Nội

Người lập

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2020

Nguyễn Anh Dũng

Kế toán trưởng

Phan Thanh Hải

Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	2.305.782.754.732	2.602.996.548.376
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27	462.199.218	879.005.046
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.305.320.555.514	2.602.117.543.330
11	4. Giá vốn hàng bán	28	2.093.984.176.482	2.321.058.550.054
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		211.336.379.032	281.058.993.276
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	91.838.366.417	137.061.528.697
22	7. Chi phí tài chính	30	99.219.525.089	112.421.025.433
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		117.605.820.164	109.385.952.427
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(7.385.675.787)	26.941.137.205
25	9. Chi phí bán hàng	31	55.065.525.417	43.501.312.922
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	180.186.764.029	199.254.284.000
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(38.682.744.873)	89.885.036.823
31	12. Thu nhập khác	33	19.051.207.897	11.428.243.025
32	13. Chi phí khác	34	38.577.175.667	34.589.294.140
40	14. Lợi nhuận khác		(19.525.967.770)	(23.161.051.115)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(58.208.712.643)	66.723.985.708
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35	6.336.604.011	16.291.855.854
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(533.437.290)	(844.731.632)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(64.011.879.364)	51.276.861.486
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(68.603.300.840)	34.687.886.512
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		4.591.421.476	16.588.974.974
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	(762)	385

Lê Thị Thanh Nội

Người lập

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2020

Nguyễn Anh Dũng

Kế toán trưởng

Phan Thanh Hải

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

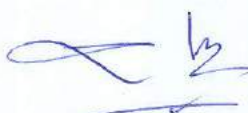
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(58.208.712.643)	66.723.985.708
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		65.341.385.243	72.920.731.616
03	- Các khoản dự phòng		(18.088.384.209)	(10.442.566.841)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		6.796.397	(152.910.101)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(93.502.655.932)	(166.356.329.655)
06	- Chi phí lãi vay		117.605.820.164	109.385.952.427
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		13.154.249.020	72.078.863.154
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		91.758.005.865	85.995.616.753
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		66.700.319.556	(109.637.833.470)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(22.277.157.037)	(214.834.490.531)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.044.932.945	(3.018.476.935)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(111.738.159.708)	(84.725.897.914)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.849.419.885)	(19.010.276.400)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	18.667.118
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.694.374.193)	(18.100.838.767)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		22.098.396.563	(291.234.666.992)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(31.859.165.423)	(54.539.030.738)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		4.219.727.271	7.995.405.508
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(173.266.952.200)	(20.487.658.400)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		136.507.092.800	21.550.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(28.328.596.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.750.000.000	133.424.490.699
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		87.879.792.226	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		27.230.494.674	59.614.611.069
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.359.407.951.842	2.614.080.267.474
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.306.641.312.609)	(2.421.041.696.065)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		52.766.639.233	193.038.571.409
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		102.095.530.470	(38.581.484.514)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		108.777.989.204	147.359.473.718
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(6.796.397)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	210.866.723.277	108.777.989.204


Lê Thị Thanh Nộ
Người lập


Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng


Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2020



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty LICOGI - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 900.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 900.000.000.000 đồng; tương đương 90.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty là thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng và phát triển kinh doanh các dự án bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, buro điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện, thi công và xử lý nền móng các loại công trình, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác các dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;

- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thi nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với các hoạt động xây dựng của Tổng Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thường kéo dài trên 12 tháng. Các hoạt động khác có chu kỳ kinh doanh dưới 12 tháng.

Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2019 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	Hà Nội	51,85%	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	Hà Nội	89,06%	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	Đồng Nai	51,00%	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64,77%	64,77%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	Đà Nẵng	57,71%	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 15	Thanh Hóa	64,65%	64,65%	Thi công xây lắp, nền
Công ty Cổ phần Licogi 17	Hải Dương	56,33%	56,33%	Thi công xây lắp, nền
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20)	Hà Nội	92,58%	92,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi	Hà Nội	89,82%	89,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (Licogi 2)	Quảng Ninh	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Công ty con cấp 2

- Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2019 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6 <i>(Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)</i>	Hòa Bình	28,22%	54,42%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh số 9 <i>(Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)</i>	Phú Thọ	26,44%	51,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Licogi 9.2 <i>(Công ty con của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)</i>	Đồng Nai	40,45%	79,31%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng

- Tổng Công ty có các công ty liên kết, công ty liên doanh được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2019 bao gồm:

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Lào Cai	44,11%	44,11%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Licogi 14	Phú Thọ	25,92%	25,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long <i>(Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)</i>	Bình Phước	20,40%	40,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8 <i>(Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)</i>	Hưng Yên	23,63%	45,58%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Công ty liên doanh

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long <i>(Công ty liên doanh của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh - Licogi)</i>	Hà Nội	37,41%	42,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam <i>(Công ty liên doanh của Công ty Cổ phần Licogi 15)</i>	Hà Nam	48,48%	48,48%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Trong giai đoạn Cổ phần hóa từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015, Tổng Công ty lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và xử lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính Phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thành Công ty cổ phần và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần.

Tuy nhiên, do một số vướng mắc liên quan đến quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty - Công ty mẹ có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Tại ngày 31/12/2019, tổng nợ ngắn hạn của Tổng công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.371 tỷ đồng, lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là 592,84 tỷ đồng chiếm 65,87% vốn điều lệ, khả năng trả nợ của Tổng Công ty phụ thuộc vào các nguồn thu và nguồn tài trợ của các đối tác. Những vấn đề này là dấu hiệu cho thấy sự không chắc chắn mang tính chất trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thực hiện tái cấu trúc theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và năm 2018, đồng thời có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư có giá trị hợp lý được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị hợp lý của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo hoặc là các khoản đầu tư lâu dài thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Đối với công trình xây lắp: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm;
- Đối với sản xuất sản phẩm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý và tài sản cố định vô hình khác	03 - 05 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao.

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.16 . Vay

Các khoản vay theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí lãi tiền vay phải trả, trích trước chi phí các công trình xây dựng... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính, cụ thể:

- Đối với sản phẩm đúc, Tổng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với 0,25% doanh thu thực hiện trong thời gian bảo hành quy định tại từng hợp đồng cụ thể.
- Đối với sản phẩm công trình giàn không gian, Tổng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với 0,25% doanh thu đã thực hiện của các công trình đã hoàn thành, bàn giao và quyết toán xong trong thời gian bảo hành quy định tại từng hợp đồng cụ thể và từ 1% đến 4% doanh thu cho một số công trình có tính chất đặc thù.
- Đối với sản phẩm công trình lắp nhôm, kính, Tổng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với 0,41% và 0,5% doanh thu đã thực hiện của các công trình đã hoàn thành bàn giao và quyết toán xong trong thời gian bảo hành quy định tại từng hợp đồng cụ thể.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng tỷ lệ dự phòng bảo hành nêu trên đã xây dựng trên cơ sở ước tính hợp lý, phù hợp với nghĩa vụ bảo hành phát sinh thực tế tại Tổng Công ty và theo các quy định hiện hành.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.20 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản tiền nhận trước của hoạt động xuất khẩu lao động của Tổng công ty.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.22 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Tổng Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Tổng Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Tổng Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.23 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.24 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.25 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Tổng Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.27 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.28 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	14.916.371.496	11.254.299.017
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	69.171.479.179	65.760.294.647
Tiền đang chuyển	1.500.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	125.278.872.602	31.763.395.540
	210.866.723.277	108.777.989.204

Tại 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng có giá trị 125.278.872.062 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	52.327.517.800	-	20.817.658.400	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	52.327.517.800	-	20.817.658.400	-
Đầu tư dài hạn	6.500.000.000	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	-	-	-
- Trái phiếu	1.500.000.000	-	-	-
	58.827.517.800	-	20.817.658.400	-

Tại 31/12/2019, các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng đến 12 tháng có giá trị 52.327.517.800 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2019			01/01/2019		
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Đầu tư vào công ty liên kết						
- Công ty Cổ phần Licogi 14	Phú Thọ	25,92%	25,92%	Phú Thọ	26,42%	26,42%
- Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	Hà Nội	22,62%	22,62%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	Bình Phước	20,40%	40,00%	Bình Phước	20,40%	40,00%
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Lào Cai	44,11%	44,11%	Lào Cai	44,11%	44,11%
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Hưng Yên	23,63%	45,58%	Hưng Yên	23,63%	45,58%
Đầu tư vào công ty liên doanh						
- Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long	Hà Nội	37,41%	42,00%	Hà Nội	37,41%	42,00%
- Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam (*)	Hà Nam	-	-	Hà Nam	-	-
			625.587.557.296			632.973.233.083

Các giao dịch trong yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 41.

(*) Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam đã ngừng hoạt động nên giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu đối với khoản đầu tư vào công ty này được Tổng Công ty xác định bằng 0.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Licogi 12	7.895.068.192	-	7.895.068.192	(5.508.268.192)
- Công ty Cổ phần Licogi 13	25.001.671.600	-	25.001.671.600	(14.403.136.900)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	10.530.000.000	-	10.530.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh	13.753.805.608	-	13.753.805.608	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO	780.000.000	-	780.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinashin - Licogi	1.000.000.000	(85.673.179)	1.000.000.000	(85.673.179)
- Công ty Cổ phần Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	300.000.000	(257.368.101)	300.000.000	(257.368.101)
- Công ty Cổ phần Khách Phong Niền	-	-	3.750.000.000	-
	59.260.545.400	(343.041.280)	63.010.545.400	(20.254.446.372)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do các cổ phiếu niêm yết là các cổ phiếu có thanh khoản thấp, khối lượng giao dịch trên thị trường không đáng kể và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Licogi 12	Thành phố Hà Nội	8,85%	8,85%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 13	Thành phố Hà Nội	6,23%	6,23%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	Thành phố Hà Nội	13,22%	13,22%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh	Tỉnh Quảng Ngãi	1,19%	1,19%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO	Thành phố Hồ Chí Minh	0,09%	0,09%	Xây dựng công trình xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinashin - Licogi	Thành phố Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Hoạt động xây dựng chuyên dụng
Công ty Cổ phần Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	Thành phố Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Xây dựng công trình dân dụng

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN				
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
BQLDA Nhà máy Thủy điện Sơn La	20.217.921.000	-	18.911.229.000	-
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 1	62.972.912.255	-	70.463.462.337	-
Công ty CP Thủy điện Đăkđrinh	93.721.199.216	-	106.894.875.842	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	(21.261.594.839)	21.261.594.839	(21.261.594.839)
Công ty CP Thực phẩm Miền Bắc	15.662.726.396	(15.662.726.396)	15.662.726.396	(15.662.726.396)
Công ty CP Xây lắp và Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam	12.572.632.461	(12.572.632.461)	12.572.632.461	(12.572.632.461)
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	6.192.002.150	-	8.266.093.861	-
Các khoản phải thu khách hàng của COMETCO sau khi sáp nhập vào Licogi 2	11.057.564.409	(11.057.564.409)	11.557.564.409	(11.557.564.409)
Công ty CP thép Hòa Phát Dung Quất	87.088.971.567	-	191.952.299.921	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và Khai thác mỏ Tân Việt Bắc	5.061.925.731	-	12.398.365.185	-
Công ty CP tư vấn xây dựng điện 2	48.543.033.212	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	642.716.776.195	(97.976.597.133)	621.417.268.547	(79.917.046.934)
	1.027.069.259.431	(158.531.115.238)	1.091.358.112.798	(140.971.565.039)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	4.804.043.818	-	5.802.304.866	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)

TỔNG CÔNG TY LICOI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp & Thương mại Hải Công ty TNHH MTV Alladin-Nước Biều	7.640.310.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	71.482.514.229	(9.816.833.032)	71.630.648.148	(12.193.921.779)
	<u>79.122.824.229</u>	<u>(9.816.833.032)</u>	<u>76.032.850.332</u>	<u>(12.193.921.779)</u>
b) Dài hạn				
Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương (*)	165.000.000.000	-	165.000.000.000	-
	<u>165.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>165.000.000.000</u>	<u>-</u>
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	<u>3.695.789.577</u>	<u>(3.695.789.577)</u>	<u>3.695.789.577</u>	<u>(3.695.789.577)</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)

(*) Đây là số tiền ứng trước cho Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương theo hợp đồng số 18A/2017/HĐ-QLDA ngày 21/06/2017 với mục đích để Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương đứng ra thay mặt Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi thực hiện giải phóng mặt bằng tại khu đô thị Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8	12.553.740.010	-	13.803.740.010	-
	<u>12.553.740.010</u>	<u>-</u>	<u>13.803.740.010</u>	<u>-</u>
b) Phải thu về cho vay là các bên liên quan				
	<u>12.553.740.010</u>	<u>-</u>	<u>13.803.740.010</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)

Khoản vay ngắn hạn hỗ trợ vay vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8 - Công ty liên kết. Khoản vay theo hình thức tín chấp, áp dụng lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY LICOI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ phần hóa	3.624.299.293	(3.624.299.293)	3.624.299.293	(3.624.299.293)
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.716.806.500	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.006.667.781	-	884.142.754	-
Phải thu người lao động	3.932.148.296	-	3.670.823.407	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	1.197.096	-	3.710.096	-
Tạm ứng	114.202.947.921	(23.061.778.790)	121.739.598.926	(37.550.487.315)
Ký cược, ký quỹ	4.837.209.109	-	8.588.864.270	-
Phải thu Ban QLDA KĐT Thịnh Liệt (1)	56.104.248.572	(54.986.617.577)	56.934.490.382	(54.986.617.577)
Phải thu khác của COMETCO khi sáp nhập vào Licogi 2	25.496.220.371	(25.496.220.371)	27.423.400.314	(27.423.400.314)
Phải thu BDH Nhà máy công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	(25.493.403.949)	25.493.403.949	(25.493.403.949)
Phải thu liên quan đến Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	6.079.942.000	(5.878.768.023)	6.079.942.000	(5.878.768.023)
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1 (2)	17.241.013.260	(5.472.303.979)	18.241.013.260	(5.472.303.979)
Phải thu từ chủ đầu tư mới của Dự án KĐT M Yên Thanh (3)	1.082.374.751	-	7.282.374.751	-
Phải thu khác	48.237.880.239	(35.518.396.640)	55.809.030.687	(34.815.804.993)
	<u>311.056.359.138</u>	<u>(179.531.788.622)</u>	<u>335.775.094.089</u>	<u>(195.245.085.443)</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.125.699.108	-	1.108.699.108	-
	<u>1.125.699.108</u>	<u>-</u>	<u>1.108.699.108</u>	<u>-</u>
c) Phải thu khác là các bên liên quan				
	<u>4.628.746.912</u>	<u>(4.337.712.455)</u>	<u>5.197.249.912</u>	<u>(4.337.712.455)</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(1) Đây là khoản mục tạm ứng cho Ban Quản lý Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt trong quá trình thực hiện dự án. Dự án này ban đầu do Tổng Công ty - Công ty mẹ thực hiện nhưng sau đó đã được chuyển giao sang cho công ty con - Công ty TNHH Nhà ở và Đô thị Licogi từ ngày 20 tháng 7 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng này là thấp nên đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản tạm ứng đã tồn đọng từ lâu.

(2) Khoản phải thu tại Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 liên quan tới số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1 còn phải trả cho Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 về việc chuyển nhượng Dự án KĐTMT Licogi tại Cà Mau trong năm 2012 với tổng giá trị hợp đồng chuyển nhượng là 67 tỷ đồng. Khoản phải thu này đã quá hạn nhiều năm tuy nhiên Tổng Công ty bắt đầu trích lập dự phòng cho khoản phải thu này từ năm 2017 và số trích lập lũy kế đến 31/12/2019 là 5,5 tỷ đồng.

(3) Dự án Khu đô thị mới Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh do Công ty Licogi 2 thực hiện và đã bị Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh thu hồi theo quyết định số 4011/QĐ-UBND ngày 16/12/2015. Theo quyết định này, các chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ được bồi hoàn bởi chủ đầu tư mới là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tân Thành với số tiền được xác định là 46.872.815.615 đồng và sẽ được thanh toán khi Tổng Công ty bàn giao toàn bộ các hồ sơ liên quan đến dự án và đối chiếu kinh phí đã đầu tư vào dự án. Giá trị còn phải thu hồi tính đến thời điểm 31/12/2019 là 1.082.374.751 đồng.

9 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	-	21.261.594.839	-
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc	15.662.726.396	-	15.662.726.396	-
- Công ty CP Xây lắp BĐS Điện lực dầu khí Việt Nam	12.572.632.461	-	12.572.632.461	-
- Ban điều hành công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	-	25.493.403.949	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1	17.241.013.260	11.768.709.281	18.241.013.260	12.768.709.281
- Phải thu BQL Dự án KĐT Thịnh Liệt	56.104.248.572	1.117.630.995	56.934.490.382	1.947.872.805
- Các khoản phải thu được chuyển giao khi sáp nhập COMETCO vào Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	27.423.400.314	-	27.423.400.314	-
- Các khoản khác	276.077.321.932	91.070.264.555	203.986.803.696	18.448.910.950
	451.836.341.723	103.956.604.831	381.576.065.297	33.165.493.036

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	9.578.467.600	-	17.095.699.842	-
Nguyên liệu, vật liệu	97.696.727.283	(6.488.049.338)	109.106.781.367	(3.358.256.805)
Công cụ, dụng cụ	6.186.543.628	-	6.563.868.501	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	477.948.207.519	(11.202.264.969)	518.056.576.867	(13.466.172.071)
Thành phẩm	78.128.974.842	(221.225.721)	81.971.181.875	(583.173.265)
Hàng hoá	160.695.000	-	1.395.479.583	-
	669.699.615.872	(17.911.540.028)	734.189.588.035	(17.407.602.141)

(*) Chi phí SXKD dở dang là chi phí phát sinh của các công trình đang trong quá trình xây dựng dở dang hoặc chi phí của các sản phẩm dở dang. Chi tiết như sau:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Dự án KĐTMT C5	11.230.909.091	11.230.909.091
Dự án KĐTMT Đồi T5	10.472.779.513	60.684.240.325
Dự án KĐTMT Nam Ga Hạ Long	57.514.382.051	72.008.808.206
Công trình Trụ sở Công an TP HCM	25.232.122.536	25.232.122.536
Công trình Đường sắt đô thị Ba Son	12.783.441.365	12.775.661.365
Các công trình và sản phẩm dở dang khác	360.714.572.963	336.124.835.344
	477.948.207.519	518.056.576.867

11 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn là chi phí dở dang của các dự án công trình xây dựng, các dự án bất động sản của Tổng Công ty trong quá trình xây dựng mà có thời hạn thực hiện và luân chuyển trên 12 tháng. Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn trình bày theo các dự án như sau:

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (do Công ty Nhà ở và Đô thị Licogi thực hiện) (1)	978.846.683.283	978.846.683.283	981.057.030.676	981.057.030.676
Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2 (2)	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314
	983.436.254.597	983.436.254.597	985.646.601.990	985.646.601.990

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Công trình xây dựng Trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê tại Lô E7 đường Phạm Hùng (3)	9.671.801.536	9.671.801.536
- Chi phí đền bù hỗ trợ tư vấn đất nông nghiệp (4)	7.084.709.941	7.084.709.941
- Dự án mỏ đá Cà Ty	-	10.673.582.161
- Đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất nhôm định hình tại Nhà máy nhôm Đông Anh	525.721.714	20.876.736.542
- Chi phí xây dựng dở dang khác	1.627.056.583	2.222.311.272
	18.909.289.774	50.529.141.452

Ghi chú:

(1) Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Thịnh Liệt - Quận Hoàng Mai với quy mô 351.422 m2 có chức năng chính là các khu nhà ở đáp ứng cho số lượng dân khoảng 9.000 người, được nghiên cứu quy hoạch bao gồm: Biệt thự, nhà vườn; Nhà ở cao tầng; Công trình hỗn hợp; Công trình công cộng, Công trình công cộng đơn vị ở: thương mại dịch vụ, câu lạc bộ, đoàn thể, trụ sở hành chính; Trường học; Đường giao thông; Bãi đỗ xe; Cây xanh.

Dự án được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội ra quyết định cấp phép đầu tư xây dựng vào ngày 17/09/2007 cho Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng sau đó được chuyển giao lần lượt cho Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi.

Trong quá trình thi công, dự án được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt chủ trương công tác đầu tư và phê duyệt tiến độ thực hiện dự án làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 từ quý 2/2017 đến quý 4/2019: Giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và một số cụm công trình nhà ở xã hội.

- Giai đoạn 2 từ quý 1/2020 đến quý 4/2021: Đầu tư xây dựng và kinh doanh các hạng mục còn lại. Hiện nay, dự án đang trong quá trình triển khai giai đoạn 1- thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

(2) Đây là phần chi phí ban đầu để triển khai dự án, chưa có khối lượng thi công. Tổng Công ty đang trong quá trình chuyển giao chủ đầu tư mới là Công ty TNHH Thanh Bình (Thuyết minh số 21).

(3) Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông qua thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, phương án thiết kế công trình và có công văn giới thiệu địa điểm lô E6 - Phạm Hùng (8.450 m2) để Tổng Công ty thực hiện dự án vào ngày 03/01/2007.

Tổng Công ty - Công ty mẹ đã đặt cọc tiền đất số tiền 8.450.000.000 đồng với giá 1.000.000 đồng/m2 cho lô E6 - Phạm Hùng theo công văn số 2618/KH&ĐT-ĐT ngày 13/12/2006.

Ngày 10/08/2007, Sở Quy Hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã điều chỉnh, bố trí lại vị trí xây dựng dự án từ lô E6 sang lô E7 (diện tích khoảng 6.500 m2) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận về việc nghiên cứu lập dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo công văn số 1987/QĐ - UBND ngày 11/11/2008.

Tới thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa tiếp tục được triển khai do các bên đầu tư cần phải điều chỉnh lại thiết kế và quy hoạch tổng thể, bổ sung một số chức năng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang cố gắng thống nhất kế hoạch thực hiện để tiếp tục triển khai dự án.

(4) Bao gồm các khoản chi phí liên quan đến quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng của lô đất khu 2 có diện tích 14.333 m2 tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh. (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 916065 do UBND Thành phố Hà Nội cấp. Trong đó: Chi phí đền bù, hỗ trợ tư vấn đất nông nghiệp 5.029.072.745 đồng, chi phí xây dựng san lấp mặt bằng 1.810.364.739 đồng và các chi phí khác 245.272.727 đồng). Tổng Công ty đang có chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng sang phân lô bán nền nhưng chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	250.217.421.911	1.066.853.901.198	210.030.407.126	8.326.716.979	1.535.428.447.214	11.963.647.399	36.419.185.757	(31.539.773.458)	(98.822.500)	1.552.172.684.412
- Mua trong năm	1.876.300.162	7.028.402.693	3.022.444.544	-	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.452.966.310	26.966.219.447	-	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(40.740.000)	(20.068.162.737)	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	(98.822.500)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	261.407.125.883	1.080.780.360.601	201.621.980.949	8.363.216.979	1.552.172.684.412	11.963.647.399	36.419.185.757	(31.539.773.458)	(98.822.500)	1.552.172.684.412
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	154.768.693.308	766.048.500.395	172.459.625.987	8.054.421.102	1.101.331.240.792	65.311.417.289	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	9.993.581.612	45.586.538.516	9.422.501.284	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(40.740.000)	(19.741.071.562)	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	(65.874.134)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	164.655.660.786	791.893.967.349	170.885.343.391	8.363.216.979	1.135.798.188.505	65.311.417.289	30.778.595.442	(30.778.595.442)	(65.874.134)	1.135.798.188.505
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	95.448.728.603	300.805.400.803	37.570.781.139	272.295.877	434.097.206.422	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	96.751.465.097	288.886.393.252	30.736.637.558	272.295.877	434.097.206.422	30.736.637.558	30.778.595.442	(30.778.595.442)	(65.874.134)	416.374.495.907

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 112.541.548.333 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 658.106.050.646 đồng.

(*) Giảm khác là giá trị ngôi nhà số 56 đường Ngô Quyền bị thu hồi theo Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 12/08/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc thu hồi Quyết định cho thuê đất đối với Công ty Cổ phần LICOGI Quảng Ngãi.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	28.583.669.806	751.785.715	29.335.455.521
- Thanh lý, nhượng bán	-	(14.285.715)	(14.285.715)
Số dư cuối năm	28.583.669.806	737.500.000	29.321.169.806
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.031.164.800	740.981.894	1.772.146.694
- Khấu hao trong năm	19.164.133	10.803.821	29.967.954
- Thanh lý, nhượng bán	-	(14.285.715)	(14.285.715)
Số dư cuối năm	1.050.328.933	737.500.000	1.787.828.933
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	27.552.505.006	10.803.821	27.563.308.827
Tại ngày cuối năm	27.533.340.873	-	27.533.340.873

(*) Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty bao gồm quyền sử dụng đất tại các Công ty Licogi 9, Công ty Licogi 2, Công ty Licogi Quảng Ngãi, Công ty Vật liệu Xây dựng Đông Anh và Công ty Licogi 10.

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là hai căn hộ tại số 81/6 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh được mua chờ tăng giá để bán với Nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 2.745.140.454 đồng và 81.837.700 đồng và Tổng Công ty dùng trích khấu hao đối với tài sản này từ năm 2015.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.552.981.070	2.722.593.677
Chi phí đi vay	-	326.313.476
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.613.739.408	2.587.445.443
	4.166.720.478	5.636.352.596
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	10.755.582.586	18.986.384.429
Tiền thuê đất trả trước	5.954.113.080	4.721.917.094
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	9.631.724.526	6.178.137.763
Chi phí trả trước dài hạn khác	13.042.125.426	11.072.407.159
	39.383.545.618	40.958.846.445

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty CP Licogi 13	80.360.997.405	(*)	84.778.239.701	(*)
Công ty CP Licogi 16	41.244.903.354	(*)	44.518.436.687	(*)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18	25.403.729.985	(*)	25.403.729.985	(*)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18.1	19.359.100.513	(*)	22.943.507.113	(*)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và khai thác mỏ Tân Việt Bắc	17.200.052.752	(*)	17.118.834.082	(*)
Xí nghiệp khai thác và chế biến đá XNK An Giang	3.236.951.610	(*)	3.236.951.610	(*)
Công ty CP Sông Đà 7	10.995.665.990	(*)	11.795.665.990	(*)
Công ty TNHH 25/10	5.315.327.000	(*)	8.838.589.306	(*)
Phải trả các đối tượng khác	564.445.285.235	(*)	613.988.834.888	(*)
	767.562.013.844	(*)	832.622.789.362	(*)
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	1.432.899.716	(*)	1.432.899.716	(*)

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)

(*) Khả năng trả nợ của Tổng Công ty phụ thuộc vào việc đàm phán với các nhà cung cấp về thời gian trả nợ cũng như nguồn tiền thu được trong tương lai. Do hệ số nợ của Tổng Công ty đang ở mức cao nên Tổng Công ty chưa xác định số có khả năng trả nợ cũng như nợ quá hạn thanh toán tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 (Đã điều chỉnh) VND
Khách hàng dự án Nam Ga Hạ Long	127.412.252.992	102.531.562.500
Khách hàng dự án Khu đô thị Đông Hưng Thái Bình	25.982.058.700	25.972.785.973
Khách hàng dự án đôi T5	6.012.170.322	18.793.405.120
Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô (*)	30.707.123.540	30.707.123.540
Công ty Cổ phần Thủy điện Thiên Tân	18.417.250.785	16.290.763.038
Các đối tượng khác	106.224.469.821	96.914.410.564
	314.755.326.160	291.210.050.735

(*) Thông tin liên quan đến nội dung của khoản công nợ này được trình bày ở thuyết minh số 38- "Kiện tụng, tranh chấp pháp lý"

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	362.260.794	66.769.875.502	140.623.640.654	138.886.544.846	1.279.883.609	69.424.594.125	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	1.395.942.326	1.395.942.326	-	-	16.547.943	11.398.553.794	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	12.894.821.725	6.336.604.011	7.849.419.885	23.212.006	2.662.780.250	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	21.149.099	2.163.837.613	4.678.618.867	4.181.739.137	-	-	-	-	-	-
Thuế Tài nguyên	-	1.768.219.423	2.655.984.300	2.959.269.220	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	2.188.037.765	6.758.749.457	6.761.144.442	-	-	-	-	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	108.534.200	350.957.990	391.189.890	-	-	29.607.193	68.302.300	-	-
Các loại thuế khác	-	-	1.422.158.936	89.160.369	-	-	-	1.362.605.760	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	379.381.589	81.562.913.321	7.585.713.070	2.343.722.972	-	-	-	86.425.521.830	-	-
	762.791.482	167.456.239.549	171.808.369.611	164.858.133.087	1.349.250.751	174.992.935.342				

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND	VND	(Đã điều chỉnh)	VND
a) Chi phí phải trả ngắn hạn				
- Chi phí lãi vay	73.272.335.371	67.404.674.915		
- Chi phí phải trả các công trình xây dựng lớn	73.699.357.261	59.466.597.222		
+ Dự án C8 mở rộng (Quảng Ninh)	1.988.581.502	3.000.111.502		
+ Dự án C5-C8 (Quảng Ninh)	3.601.719.453	3.601.719.453		
+ Dự án Đồi T5 (Quảng Ninh)	18.417.961.333	3.173.671.294		
+ Dự án 20 Cộng hòa Hồ Chí Minh	6.823.705.099	6.823.705.099		
+ Công trình thủy điện Đăkkrinh	16.072.791.214	16.072.791.214		
+ Công trình thủy điện Suối Chăn 2	26.794.598.660	26.794.598.660		
- Chi phí phải trả các công trình khác và các khoản khác	40.813.832.445	23.135.895.757		
	187.785.525.077	150.007.167.894		
b) Chi phí phải trả với bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)	17.325.713.416	3.701.579.446		

20 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND	VND	VND	VND
- Doanh thu nhận trước xuất khẩu lao động	2.959.834.580	2.103.806.149		
	2.959.834.580	2.103.806.149		

21 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Tài sản thừa chờ giải quyết	68.714.425	68.714.425		
- Kinh phí công đoàn	5.978.029.835	5.276.668.688		
- Bảo hiểm xã hội	49.485.582.240	43.524.574.949		
- Bảo hiểm y tế	1.242.719.352	1.376.694.938		
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.102.282.888	852.081.431		
- Phải trả về cổ phần hoá	14.342.961.818	14.342.961.818		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	50.000.000		
- Công ty TNHH Thanh Bình (1)	2.500.000.000	2.500.000.000		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	144.894.938.503	102.950.120.860		
	219.615.229.061	170.941.817.109		

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

23 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	(Đã điều chỉnh)		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ dài hạn đến hạn trả	282.893.005.091	(*)	28.332.125.848	282.566.535.810	28.658.595.129	-
- Tổng Công ty Licogi- CTCP (Công ty mẹ) (1)	261.096.902.302	(*)	13.435.067.196	259.717.414.313	14.814.555.185	(*)
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	1.960.000.000	(*)	1.176.119.881	1.960.000.000	1.176.119.881	(*)
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh	3.977.829.332	(*)	8.246.709.055	5.353.924.040	6.870.614.347	(*)
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	4.115.200.000	(*)	-	4.115.200.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	3.788.076.000	(*)	2.876.924.000	3.465.000.000	3.200.000.000	(*)
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	2.554.997.457	(*)	2.597.305.716	2.554.997.457	2.597.305.716	(*)
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (10)	5.400.000.000	(*)	-	5.400.000.000	-	(*)
	1.813.117.457.758	(*)	2.219.428.383.543	2.402.255.296.019	1.630.290.545.282	(*)

44

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

23 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

b) Vay dài hạn	(Đã điều chỉnh)		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Tổng Công ty Licogi- CTCP (Công ty mẹ) (1)	284.467.811.814	(*)	270.210.000.000	259.717.414.313	294.960.397.501	(*)
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	4.163.107.548	(*)	1.176.119.881	3.541.484.288	1.797.743.141	(*)
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	24.095.767.081	(*)	-	5.353.924.040	18.741.843.041	(*)
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	8.614.600.000	(*)	-	4.116.600.000	4.498.000.000	(*)
- Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	7.368.593.288	(*)	2.876.924.000	6.341.924.000	3.903.593.288	(*)
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	12.139.071.796	(*)	2.597.305.716	8.334.412.509	6.401.965.003	(*)
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (8)	29.642.633.100	(*)	2.791.344.550	8.186.793.250	24.247.184.400	(*)
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (9)	15.007.000.000	(*)	-	2.700.000.000	12.307.000.000	(*)
	385.498.584.627	(*)	279.651.694.147	298.292.552.400	366.857.726.374	(*)
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(282.893.005.091)	(*)	(28.332.125.848)	(282.566.535.810)	(28.658.595.129)	(*)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	102.605.579.536	(*)			338.199.131.245	(*)

(*) Do hệ số nợ của Tổng Công ty đang ở mức cao nên Tổng Công ty chưa xác định số có khả năng thanh toán cũng như nợ quá hạn thành toán tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay được thuyết minh tại Phụ lục 01 và phụ lục 02 đính kèm báo cáo tài chính hợp nhất.

24 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	900.000.000.000	117.558.651	(89.169.818.319)	67.747.616.740	2.083.295.470	(524.400.198.897)	95.002.639.618	451.381.093.263									
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	34.687.886.512	16.588.974.974	51.276.861.486									
Phân phối lợi nhuận Công ty Licogi 10	-	-	-	8.202.741.441	-	(11.681.009.641)	(15.395.650.045)	(18.873.918.245)									
Công ty VLXD Đông Anh	-	-	-	-	-	(45.253.858)	(770.826.394)	(226.840.140)									
Công ty Cơ khí Đông Anh	-	-	-	7.948.328.451	-	(7.948.328.451)	(2.136.145.264)	(2.906.971.658)									
Công ty Licogi 9	-	-	-	254.412.990	-	(616.600.938)	(2.811.018.499)	(3.173.206.447)									
Công ty tư vấn Licogi	-	-	-	-	-	-	(96.000.000)	(96.000.000)									
Công ty Licogi 2	-	-	-	-	-	-	(2.300.000.000)	(2.300.000.000)									
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	368.016.005	721.600.010									
Số dư cuối năm trước	900.000.000.000	117.558.651	(89.169.818.319)	75.950.358.181	2.083.295.470	(501.025.306.021)	96.549.548.552	484.505.636.514									
Số dư đầu năm nay	900.000.000.000	117.558.651	(89.169.818.319)	75.950.358.181	2.083.295.470	(501.025.306.021)	96.549.548.552	484.505.636.514									
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(68.603.300.840)	4.591.421.476	(64.011.879.364)									
Phân phối lợi nhuận Công ty Licogi 10	-	-	-	9.726.666.859	-	(23.209.755.195)	(14.575.437.617)	(28.058.525.953)									
Công ty VLXD Đông Anh	-	-	-	-	-	(3.139.683)	(2.315.154)	(5.474.837)									
Công ty Cơ khí Đông Anh	-	-	-	9.708.020.659	-	(177.151.423)	(1.016.703.315)	(1.193.854.738)									
Công ty Licogi 9	-	-	-	-	-	(20.660.976.418)	(10.668.280.067)	(21.621.235.826)									
Công ty tư vấn Licogi	-	-	-	-	-	(326.028.607)	(2.776.277.171)	(3.102.305.778)									
Công ty Licogi 2	-	-	-	18.646.200	-	(42.439.064)	(111.861.910)	(135.654.774)									
Tăng/Giảm khác	-	-	-	-	-	(2.000.000.000)	60.109	(2.000.000.000)									
Số dư cuối năm nay	900.000.000.000	117.558.651	(89.169.818.319)	85.677.025.040	2.083.295.470	(592.838.301.947)	86.565.473.302	392.435.232.197									

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC)	40,71%	366.406.910.000	40,71%	366.406.910.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất Động sản Khu Đông	35,00%	315.000.000.000	35,00%	315.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	19,24%	173.128.880.000	19,24%	173.128.880.000
Vốn góp của các cổ đông khác	5,05%	45.464.210.000	5,05%	45.464.210.000
	100%	900.000.000.000	100%	900.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	900.000.000.000	900.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	900.000.000.000	900.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	900.000.000.000	900.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	85.677.025.040	75.950.358.181
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.083.295.470	2.083.295.470
	87.760.320.510	78.033.653.651

25 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Tổng Công ty ký các hợp đồng với Sở địa chính - Nhà đất Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 146-2003/ĐCND-HĐTĐTN tại nhà G1, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và điều hành sản xuất trong 30 năm từ ngày 01/01/2003. Diện tích khu đất thuê là 1.928 m2. Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, các đơn vị thành viên của Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất để sử dụng với mục đích làm văn phòng, nhà xưởng sản xuất. Theo các hợp đồng này, các đơn vị thành viên phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

26 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, kinh doanh vật liệu xây dựng	1.325.119.320.515	1.429.020.566.552
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.685.322.595	28.603.337.248
Doanh thu hợp đồng xây dựng	821.163.935.722	1.020.457.665.850
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	137.418.161.355	124.644.025.888
Doanh thu hoạt động khác	396.014.545	270.952.838
	2.305.782.754.732	2.602.996.548.376
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)</i>	87.272.727	1.155.915.455

27 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	16.166.138	4.744.500
Hàng bán bị trả lại	-	633.864.747
Giảm giá hàng bán	446.033.080	240.395.799
	462.199.218	879.005.046

28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, vật liệu xây dựng đã bán	1.198.012.486.238	1.292.429.855.493
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.710.282.402	21.561.119.613
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	765.367.482.933	929.068.171.564
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	112.004.023.231	84.447.129.096
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	503.937.887	(6.760.109.392)
Giá vốn của hoạt động khác	385.963.791	312.383.680
	2.093.984.176.482	2.321.058.550.054

29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.986.630.565	2.449.823.269
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	6.398.204
Cổ tức, lợi nhuận được chia	83.732.493.188	132.821.080.663
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	81.742.664	253.089.682
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	152.910.101
Doanh thu hoạt động tài chính khác	37.500.000	1.378.226.778
	91.838.366.417	137.061.528.697
Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)</i>	83.550.132.517	129.556.509.663

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	117.605.820.164	109.385.952.427
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	597.921.553	1.333.003.545
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	19.753.117	91.220.038
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	6.796.397	-
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	(19.911.405.092)	1.610.838.423
Chi phí tài chính khác	900.638.950	11.000
	99.219.525.089	112.421.025.433

31 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.089.038.759	2.547.019.052
Chi phí nhân công	24.326.834.634	17.477.426.247
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.207.019.280	667.022.290
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.177.364.176	12.420.189.436
Chi phí khác bằng tiền	17.981.047.836	11.812.204.233
Chi phí bảo hành	352.630.443	677.419.379
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(68.409.711)	(2.099.967.715)
	55.065.525.417	43.501.312.922

32 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.172.857.103	15.865.696.738
Chi phí nhân công	103.669.835.272	105.314.278.561
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.717.757.443	12.056.017.331
Hoàn nhập dự phòng	(530.835.369)	(4.223.639.087)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.372.277.390	12.019.384.662
Chi phí khác bằng tiền	53.784.872.190	58.222.545.795
	180.186.764.029	199.254.284.000

33 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	9.452.466.806	4.144.288.518
Tiền phạt thu được	439.449.829	163.126.500
Thuế được giảm	-	81.650.940
Thu nhập từ chuyển nhượng Hợp đồng thuê đất (*)	5.181.818.182	-
Thu nhập khác	3.977.473.080	7.039.177.067
	19.051.207.897	11.428.243.025

(*) Khoản thu nhập từ chuyển nhượng hợp đồng thuê đất tại khu công nghiệp Hòa Cầm giữa Công ty Cổ phần Licogi 10 và đối tác

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

34 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	283.258.840	-
Các khoản bị phạt	16.967.482.129	10.144.460.578
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm thời không sử dụng	19.763.053.888	18.991.007.244
Chi phí khác	1.563.380.810	5.453.826.318
	38.577.175.667	34.589.294.140

35 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	1.561.830.643	856.106.074
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	-	4.546.187.145
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Tư vấn Licogi	5.838.888	63.520.165
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	191.872.601	902.335.937
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	67.790.779	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Licogi 17	129.843.038	857.931.237
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (Licogi 2)	4.340.173.822	9.055.124.811
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	39.254.240	10.650.485
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	6.336.604.011	16.291.855.854

36 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(68.603.300.840)	34.687.886.512
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(68.603.300.840)	34.687.886.512
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	90.000.000	90.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(762)	385

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	210.866.723.277	-	108.777.989.204	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.339.251.317.677	(338.062.903.860)	1.428.241.905.995	(348.410.572.261)
Các khoản cho vay	71.381.257.810	-	34.621.398.410	-
	1.621.499.298.764	(338.062.903.860)	1.571.641.293.609	(348.410.572.261)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.968.489.676.527	1.915.723.037.294
Phải trả người bán, phải trả khác	1.221.198.122.981	1.324.652.217.261
Chi phí phải trả	187.785.525.077	150.007.167.894
	3.377.473.324.585	3.390.382.422.449

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	210.866.723.277	-	-	210.866.723.277
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.000.062.714.709	1.125.699.108	-	1.001.188.413.817
Các khoản cho vay	71.381.257.810	-	-	71.381.257.810
	1.282.310.695.796	1.125.699.108	-	1.283.436.394.904
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.777.989.204	-	-	108.777.989.204
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.078.722.634.626	1.108.699.108	-	1.079.831.333.734
Các khoản cho vay	34.621.398.410	-	-	34.621.398.410
	1.222.122.022.240	1.108.699.108	-	1.223.230.721.348

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	1.630.290.545.282	338.199.131.245	-	1.968.489.676.527
Phải trả người bán, phải trả khác	987.177.242.905	234.020.880.076	-	1.221.198.122.981
Chi phí phải trả	187.785.525.077	-	-	187.785.525.077
	2.805.253.313.264	572.220.011.321	-	3.377.473.324.585
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	1.813.117.457.758	102.605.579.536	-	1.915.723.037.294
Phải trả người bán, phải trả khác	1.003.564.606.471	321.087.610.790	-	1.324.652.217.261
Chi phí phải trả	150.007.167.894	-	-	150.007.167.894
	2.966.689.232.123	423.693.190.326	-	3.390.382.422.449

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . KIẾN TỤNG, TRANH CHẤP PHÁP LÝ

Trong năm 2013, Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô ("Công ty Lũng Lô") đã khởi kiện Tổng Công ty liên quan đến khoản tiền mà Công ty Lũng Lô đã ứng trước cho Tổng Công ty để thực hiện dự án đề chắn sóng Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo hợp đồng số 08.1/HĐKT - LCC-Licogi.

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có quyết định theo bản án số 101/2018/KDTM - PT ngày 14 tháng 08 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng, Tổng Công ty phải hoàn trả Công ty Lũng Lô 19.206.866.091 đồng tiền tạm ứng thừa và 12.656.798.538 đồng tiền lãi chậm trả. Ngày 23 tháng 01 năm 2019, Tổng Công ty có đơn đề nghị xem xét bản án theo thủ tục giám đốc thẩm và hoãn thi hành án. Đơn đề nghị đã được chấp thuận theo quyết định số 02/QĐ-CCTHADS ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân và giấy biên nhận đơn đề nghị xem xét lại bản án kinh doanh thương mại của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 25 tháng 04 năm 2019.

Tại ngày 31/12/2019, Tổng Công ty đang ghi nhận khoản phải trả cho Công ty Lũng Lô là 30.707.123.540 đồng. Tổng Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh các khoản phải trả này vào Báo cáo tài chính khi có quyết định cuối cùng của tòa án.

39 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

40 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động kinh doanh xây lắp	Hoạt động kinh doanh hàng hóa vật liệu xây dựng	Hoạt động kinh doanh bất động sản và các hoạt động	Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	821.163.935.722	1.324.657.121.297	159.499.498.495	2.305.320.555.514	2.305.320.555.514
Chi phí bộ phận trực tiếp	762.711.414.597	1.201.172.492.461	130.100.269.424	2.093.984.176.482	2.093.984.176.482
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	58.452.521.125	123.484.628.836	29.399.229.071	211.336.379.032	211.336.379.032
Tổng chi phí mua TSCĐ	16.762.981.478	-	-	16.762.981.478	16.762.981.478
Tài sản bộ phận	1.227.070.312.308	1.979.443.271.705	238.341.080.164	3.444.854.664.177	3.444.854.664.177
Tài sản không phân bổ	-	-	-	923.537.791.385	923.537.791.385
Tổng tài sản	1.227.070.312.308	1.979.443.271.705	238.341.080.164	4.368.392.455.562	4.368.392.455.562
Nợ phải trả bộ phận	1.411.432.380.573	2.276.846.160.458	274.150.808.466	3.962.429.349.497	3.962.429.349.497
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	13.527.873.868	13.527.873.868
Tổng nợ phải trả	1.411.432.380.573	2.276.846.160.458	274.150.808.466	3.975.957.223.365	3.975.957.223.365

Theo khu vực địa lý

Tổng Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Doanh thu		87.272.727	1.155.915.455
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	87.272.727	130.909.092
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Công ty liên kết	-	1.025.006.363
Mua hàng hóa, dịch vụ		4.545.454.544	7.253.476.212
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Công ty liên kết	4.545.454.544	7.253.476.212
Thu lãi vay		1.218.386.000	1.308.449.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Công ty liên kết	1.218.386.000	1.308.449.000
Cổ tức được nhận		82.331.746.517	128.248.060.663
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	Công ty liên kết	5.375.000.000	1.914.116.947
Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long	Công ty liên doanh	72.589.784.067	126.333.943.716
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	4.366.962.450	-
Góp vốn đầu tư		-	28.328.596.000
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên doanh	-	4.554.760.000
Công ty CP Licogi 14	Công ty liên doanh	-	23.773.836.000
Các khoản đi vay		190.950.000.000	117.340.000.000
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh và BĐS Khu Đông	Cổ đông lớn	190.950.000.000	117.340.000.000
Số dư tại ngày kết thúc năm:		31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		4.804.043.818	5.802.304.866
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	4.804.043.818	5.802.304.866
Ứng trước cho nhà cung cấp		3.695.789.577	3.695.789.577
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết	3.695.789.577	3.695.789.577
Phải thu về cho vay		12.553.740.010	13.803.740.010
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh 8	Công ty liên kết	12.553.740.010	13.803.740.010
Phải thu khác		4.628.746.912	5.197.249.912
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết	4.337.712.455	4.337.712.455
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	457	242.006.457
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh 8	Công ty liên kết	291.034.000	617.531.000
Phải trả người bán ngắn hạn		1.432.899.716	1.432.899.716
Công ty Cổ phần Licogi 14	Công ty liên kết	1.432.899.716	1.432.899.716
Chi phí phải trả		17.325.713.416	3.701.579.446
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	Cổ đông lớn	17.325.713.416	3.701.579.446

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Số dư tại ngày kết thúc năm (tiếp theo):

	Mỗi quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Vay ngắn hạn		308.290.000.000	117.340.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	Cổ đông lớn	308.290.000.000	117.340.000.000
Phải trả khác		60.625.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	Cổ đông lớn	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	Công ty liên kết	625.000.000	-
Lãi vay phải trả		14.705.910.411	3.701.579.446
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	Cổ đông lớn	14.705.910.411	3.701.579.446
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc		720.000.000	720.000.000
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		2.362.819.123	2.599.101.036

42. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 căn cứ trên kết quả làm việc của Kiểm toán Nhà nước tại các đơn vị thành viên của Tổng Công ty và quyết toán Cổ phần hóa của Tổng công ty. Theo đó, số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh lại như sau:

	Mã số	Số liệu trên	Số liệu điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
		BCTC đã được kiểm toán năm VND	phân loại lại VND		
a) Bảng Cân đối kế toán hợp nhất					
Phải thu ngắn hạn khác	136	335.770.091.816	335.775.094.089	5.002.273	(1)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(348.747.777.357)	(348.410.572.261)	337.205.096	(2)
Hàng tồn kho	141	735.172.438.723	734.189.588.035	(982.850.688)	(3)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	293.138.569.025	291.210.050.735	(1.928.518.290)	(3)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	165.788.856.091	167.456.239.549	1.667.383.458	(3,4)
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	155.136.598.412	150.007.167.894	(5.129.430.518)	(3)
Vốn khác của chủ sở hữu	414	10.121.718.651	117.558.651	(10.004.160.000)	(5)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	(99.173.978.319)	(89.169.818.319)	10.004.160.000	(5)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(505.733.367.514)	(501.025.306.021)	4.708.061.493	(4)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	96.507.688.014	96.549.548.552	41.860.538	(4)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	Mã số	Số liệu trên	Số liệu điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
		BCTC đã được kiểm toán năm trước VND	phân loại lại VND		
b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2.601.068.030.086	2.602.996.548.376	1.928.518.290	(3)
Giá vốn hàng bán	11	2.325.126.542.284	2.321.058.550.054	(4.067.992.230)	(2)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	199.363.932.269	199.254.284.000	(109.648.269)	(2)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	14.935.619.096	16.291.855.854	1.356.236.758	(4)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	29.979.825.019	34.687.886.512	4.708.061.493	(4)
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62	16.547.114.436	16.588.974.974	41.860.538	(4)
c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất					
Lợi nhuận trước thuế	01	60.617.826.919	66.723.985.708	6.106.158.789	(4)
Các khoản dự phòng	02	(10.779.771.937)	(10.442.566.841)	337.205.096	(2)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	86.000.619.026	85.995.616.753	(5.002.273)	(2)
Tăng, giảm hàng tồn kho	11	(110.620.684.158)	(109.637.833.470)	982.850.688	(3)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp)	70	(207.413.278.231)	(214.834.490.531)	(7.421.212.300)	(4)

- (1) Điều chỉnh bổ sung các khoản thuế phải nộp tại Công ty Licogi 2;
- (2) Điều chỉnh dự phòng phải thu tại Công ty CP Cơ khí Đông Anh;
- (3) Điều chỉnh doanh thu/giá vốn hoạt động xây lắp và hoạt động kinh doanh bất động sản tại Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi và Công ty Licogi 2;
- (4) Ảnh hưởng của các điều chỉnh trên đến các chỉ tiêu còn lại.

Lê Thị Thanh Nội
Người lập

Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2020

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2019 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Tổng Công ty Licogi-CTCP (Công ty mẹ) (1)	1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm	9%/năm	99.996.091.756	Bổ sung vốn lưu động	- Hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS ngày 21/07/2016 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS-PL01.2018 ngày 15/10/2018 (thế chấp máy móc thiết bị). - Hợp đồng cầm cố cổ phiếu 2018-02/HĐCC ký ngày 15/10/2018(thế chấp cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 thuộc sở hữu của Tổng Công ty Licogi-CTCP Tài sản đảm bảo là một số máy móc, thiết bị của Tổng Công ty và các chi nhánh phụ thuộc.
	2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	8,5%/năm	35.735.347.050	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là một số máy móc, thiết bị của Tổng Công ty và các chi nhánh phụ thuộc.
	3	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	9,5%/năm	11.800.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp bằng tài sản thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty
	4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	9%/năm	299.207.564.843	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Được đảm bảo bằng 10.009.700 cổ phiếu Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi và một số tài sản có định khác
	5	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	8,5%/năm	49.743.306.453	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh	- Hợp đồng cầm cố cổ phần số 1300 - LCP - 201900526, số 1300 - LCP - 201900527, số 1300 - LCP - 201900528 và số 1300 - LCP - 201900529 ngày 23 tháng 04 năm 2019. - Hợp đồng thế chấp tài sản số 1300 - LCP - 201900524 ngày 23 tháng 04 năm 2019 (thế chấp máy khoan cọc nhồi Nippon Sharyo).
	6	Tổng Công ty Sông Đà	20%/năm	16.315.763.516	Đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Bắc Hà	Được đảm bảo bằng cổ phần của một số đơn vị do Tổng Công ty nắm giữ.
	7	Vay huy động khác	9%/năm	55.274.903.262	Bổ sung vốn lưu động hoặc triển khai đầu tư các dự án xây dựng	Không có tài sản đảm bảo.

58

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2019 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo	
Tổng Công ty Licogi-CTCP (Công ty mẹ) (1)	8	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu	14,5%/năm	85.000.000.000	Thanh toán nợ đến hạn ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Tổng Công ty - Công ty mẹ	Tài sản đảm bảo là 12.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh- Licogi.	
	9	Công ty Cổ phần AZURA	14%/năm	217.500.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là 28.650.727 cổ phiếu phổ thông được tự do chuyển nhượng và giao dịch do công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà phát hành. Giá trị cổ phiếu thế chấp là 80.000.000.000 đồng.	
	10	Ông Nguyễn Xuân Thăng	9%/năm	20.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là 2.563.566 cổ phiếu thuộc sở hữu của Tổng Công ty - Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9).	
	11	Các hợp đồng vay giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	8%- 10%/năm	270.210.000.000	Tin chấp	Tài sản đảm bảo là 8.000.000.000 cổ phiếu phổ thông được tự do chuyển nhượng và giao dịch do công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi phát hành.	
	Tổng cộng			1.160.782.976.880			
	Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Đông Anh	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận	53.371.504.383	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở Thư tín dụng L/C	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
		2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lương Sơn	8%/năm	4.150.136.535	Vay vốn lưu động phục vụ quá trình sản xuất tấm lợp fibroximang	Đảm bảo bằng tài sản của Tổng Công ty với tổng giá trị 5.800.000.000 đồng.
		3	Vay huy động vốn cá nhân và các đối tượng khác	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận	13.169.149.377	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			70.690.790.295			

59

Đơn vị tính: đồng

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2019 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licoji (3)	1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận	3.848.119.404	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp quyền phải thu.
	2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	18.598.945.187	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C	Đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết.
	3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	102.075.570.663	Tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không bao gồm phục vụ đầu tư các tài sản cố định	Theo các biện pháp bảo đảm và hợp đồng bảo đảm quy định tại hợp đồng cấp tín dụng.
	4	Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đông Anh	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	10.492.794.004	Phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm nhôm, đúc cơ khí, kết cấu thép và giàn không gian	Thế chấp Động sản, Bất động sản, Hàng tồn kho luân chuyển chi tiết theo hợp đồng này.
	5	Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	67.171.576.000	Bổ sung vốn phục vụ cho nhu cầu dịch vụ thương mại	Hợp đồng cầm cố tiền gửi số VHN 100481/MR và các bản sửa đổi của Công ty; Hợp đồng thế chấp hàng hóa trong kho số VHN 100481/MS và các văn bản sửa đổi của Công ty.
	6	Ngân hàng TMCP Techcombank - Chi nhánh Chương Dương	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	54.141.520.131	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;	Bất động sản chi tiết theo hợp đồng bảo đảm giữa Ngân hàng và Công ty.
	Tổng cộng			256.328.525.389		

Đơn vị tính: đồng

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2019 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	30.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán phục vụ cho SX kinh doanh	Đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết.
	2	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Biên Hòa	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	49.969.296.398	Bổ sung vốn lưu động	Các tài sản theo các hợp đồng thế chấp tại ngân hàng và các văn bản sửa đổi bổ sung.
	3	Vay cá nhân	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	1.347.580.000	Theo lãi suất bên vay của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam theo từng thời điểm	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			81.316.876.398		
Công ty Cổ phần Licoji Quảng Ngãi (5)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Quảng Ngãi	Xác định theo từng Hợp đồng cụ thể	27.573.548.489	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Được đảm bảo bởi các Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất, quyền khai thác khoáng sản và tài sản hình thành trong tương lai.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	11%/năm	4.460.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	Tổng cộng			32.033.548.489		
	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Áp dụng cho từng lần nhận	25.664.229.686	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh	Tài sản đảm bảo là các hợp đồng thế chấp tài sản.
	2	Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Nam Đà Nẵng	Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	10.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động thực hiện Hợp đồng thi công xây dựng số 2809/2018/HĐ/NB-LICOGI10-RICOM ngày 28/09/2018 giữa Công ty cổ phần Nước Biều và Liên danh Công ty Cổ phần Licoji 10 và Công ty TNHH MTV Xây dựng Ricom.	Quyền đòi nợ/Quyền được thanh toán từ sản lượng đờ đang từ hợp đồng thi công xây dựng số 2809/2018/HĐ/NB-LICOGI10-RICOM ngày 28/09/2018 giữa Công ty cổ phần Nước Biều và Liên danh Công ty Cổ phần Licoji 10 và Công ty TNHH MTV Xây dựng Ricom.
	3	Vay huy động vốn cá nhân	8,5%/năm	21.088.423.668	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			56.752.653.354		

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2019 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Licogi 17 (7)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương	Được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể	23.914.345.131	Bổ sung vốn lưu động	Các máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Tổng Công ty và tài sản khác thuộc bên thứ ba.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	1,16%/năm	14.626.900.099	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			38.541.245.230		
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (8)	1	Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	8-10%/năm	38.080.000.000	Thực hiện các hoạt động để triển khai dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt	Không có tài sản đảm bảo.
	2	Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản MIK HOME	10%/năm	40.092.357.966	Thực hiện các hoạt động để triển khai dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt và mua 11 căn hộ chung cư tại Dự án Khu nhà ở cao tầng, văn phòng làm việc và nhà ở thấp tầng tại Thịnh Liệt.	Không có tài sản đảm bảo.
	3	Vay huy động vốn cá nhân	10 - 12%/năm	2.114.147.000	Thực hiện các hoạt động để triển khai dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			80.286.504.966		
Công ty Cổ phần Licogi 15 (9)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô	Áp dụng cho từng lần nhận	20.702.759.000	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp tài sản.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	Áp dụng cho từng lần nhận	15.621.922.468	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			36.324.681.468		

62

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2019 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (10)	1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	8,5%/năm	17.866.295.510	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thi công công trình, xử lý nền móng	Các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty theo từng Hợp đồng thế chấp cụ thể với Ngân hàng.
	2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	Quy định tại từng văn bản nhận Nợ	32.755.199.697	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh	Các tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty theo từng hợp đồng thế chấp cụ thể với ngân hàng.
	Tổng cộng			50.621.495.207		
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước (11)	1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Thả nổi có điều chỉnh	4.900.956.630	Bổ sung vốn lưu động	Tin chấp
	2	Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	16%/năm	1.750.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản thế chấp
	3	Vay huy động vốn cá nhân	9% 9,5%/năm	1.511.695.847	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			8.162.652.477		

63

Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2019 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Tổng Công ty Licogi-CTCP (Công ty mẹ) (1)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	Thả nổi	24.750.397.501	Mua sắm tài sản	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự được hình thành trong tương lai; số dư tiền gửi từ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại Ngân hàng và các TCTD khác; doanh thu chuyển về tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng.
	2	Các hợp đồng vay giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	8%- 10%/năm	270.210.000.000	Phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt	Tin chấp
	Tổng cộng			294.960.397.501		
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	1	Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Huyện Lương Sơn	Thả nổi	27.314.558	Mua xe đầu kéo HOWO và Sơ mi rơ mooc 13m	Được đảm bảo theo hợp đồng số 10/2015.
	2	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Thả nổi	4.172.923	Mua xe ô tô phục vụ mục đích đi lại	Được đảm bảo bởi 1 xe ô tô pickup, 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu MITSUBISHI, màu xám, sản xuất năm 2014 và các tài sản đảm bảo khác cho toàn bộ nghĩa vụ nợ.
	3	Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	Thả nổi	1.766.255.660	Đầu tư nâng cấp cải tạo dây chuyền sản xuất tấm lợp AC số 01 giai đoạn 1 tại xí nghiệp tấm lợp AC Đông Anh, Hà Nội	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
	Tổng cộng			1.797.743.141		

64

Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2019 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	1	Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đông Anh	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	4.079.488.002	Thanh toán các chi phí hợp lý cho Dự án Đầu tư xây dựng làm khuôn đúc các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm được phụ tùng bằng công nghệ Alphasert giao kết công suất 2.000 tấn/năm	Đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm được
	2	Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đông Anh	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	12.044.355.039	Thanh toán các chi phí hợp lý đầu tư hợp pháp của Dự án Đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất nhóm định hình tại Nhà máy Nhóm Đông Anh - Giai đoạn 1	Đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm được giao kết, trong đó có Hợp đồng bảo đảm số 18/2018/HĐBB/NHCT144-CKDA ngày 11/05/2018.
	3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	2.618.000.000	Đầu tư thực hiện Dự án Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị gia công chế tạo giàn không gian năm 2015	Bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ vốn tự có của Công ty và từ vốn vay Ngân hàng.
	Tổng cộng			18.741.843.041		

65

Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2019 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	1	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Biên Hòa	Lãi suất được tính 10,6% trong 6 tháng đầu tiên từ khi giải ngân và được điều chỉnh 6 tháng 1 lần	3.075.000.000	Đầu tư nhà máy trộn bê tông tươi công suất 250m ³ /h và trạm trộn đá đảm cấp phối 100m ³ /h	Được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của 04 xe trộn bê tông HOWO/SINOTRUK dung tích bồn trộn 10m ³ với giá trị thế chấp là 4.560 triệu đồng.
	2	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	7,60%	1.423.000.000	Thanh toán tiền mua xe ô tô con Mercedes-Benz E300 AMG mới 100% theo Hợp đồng bán hàng số 534/2017/HĐBH ngày 11/10/2017	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay với tổng giá trị tài sản tạm tính 2.580.000.000 đồng.
Công ty Cổ phần LicoGi Quảng Ngãi (5)	Tổng cộng			4.498.000.000		
	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	Thả nổi	3.903.593.288	Tài trợ dự án đầu tư hệ thống dân giáo, đã đỡ phục vụ thi công và khai thác mỏ núi đá Cà Ty, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án hệ thống dân giáo, đã đỡ phục vụ thi công và quyền khai thác, khoáng sản số 02/2015/711559/HĐBB ngày 01/10/2015.
Tổng cộng			3.903.593.288			

66

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trái, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Bảo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2019 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LicoGi số 2 (8)	1	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Đà Nẵng	Quy định tại từng văn bản nhận nợ	6.401.965.003	Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất, mua máy móc thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ hoạt động xây lắp	Bảo đảm bằng các máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.
	Tổng cộng			6.401.965.003		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (9)	1	Vay huy động vốn cá nhân	Theo lãi suất TG có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hạ Long	24.247.184.400	Triển khai đầu tư dự án xây dựng tòa nhà Văn phòng và căn hộ tại lô CT7 - Khu đô thị Thịnh Liệt	Quyền mua căn hộ tại dự án.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	Áp dụng theo lãi suất của Ngân hàng BIDV	10.800.000.000	Đầu tư 02 dây chuyền máy khoan cọc nhồi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
Tổng cộng			24.247.184.400			
Tổng cộng			12.307.000.000			
Tổng cộng			342.107.328.873			

67